

MỤC LỤC

I. Các nhân tố rủi ro

1. Rủi ro kinh tế	4
2. Rủi ro luật pháp	4
3. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu	6
4. Rủi ro tỷ giá hối đoái	8
5. Rủi ro hội nhập	8
6. Rủi ro khác	10

II. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung bản cáo bạch

1. Tổ chức niêm yết	10
2. Tổ chức tư vấn niêm yết	11

III. Các khái niệm

11

IV. Tình hình đặc điểm của tổ chức niêm yết

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
1.1 Lịch sử hình thành và phát triển	12
1.2 Quá trình phát triển	13
1.3 Những thành tích Doanh nghiệp đã đạt được	14
1.4 Giới thiệu về công ty	17
2. Cơ cấu tổ chức	20
2.1 Cơ cấu tổ chức quản lý qua mô hình Công ty Mẹ-Con	20
2.2 Cơ cấu tổ chức của Công ty	22
2.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	23
3. Danh sách cổ đông nắm giữ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty	24
4. Danh sách những công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết	25
4.1 Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối của Công ty	25

4.2 Danh sách các Công ty con	25
5. Hoạt động kinh doanh	29
5.1 Các nhóm sản phẩm chính	29
5.2 Doanh thu, lãi gộp qua các năm	31
5.3 Nguyên liệu	33
5.4 Chi phí sản xuất	38
5.5 Trình độ công nghệ	41
5.6 Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	48
5.7 Kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ	50
5.8 Hoạt động marketing	50
5.9 Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ	54
5.10 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết	54
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất	55
6.1 Tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2005 và 2006	55
6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2006	56
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	57
7.1 Triển vọng phát triển của ngành	57
7.2 Vị thế của Công ty trong ngành	60
8. Chính sách đối với người lao động	62
8.1 Số lượng người lao động trong công ty	62
8.2 Chính sách đối với người lao động	63
9. Chính sách cổ tức	71
10. Tình hình hoạt động tài chính	72
10.1 Các chỉ tiêu cơ bản	72
10.2 Các chỉ số tài chính chủ yếu	75
11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	75
11.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	76
11.2 Danh sách thành viên Ban kiểm soát	86
11.3 Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc	90

12. Tài sản	92
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007-2011	97
13.1 Định hướng phát triển của Tập đoàn Gỗ Trường Thành tới năm 2011	97
13.2 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 2007-2011	99
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	100
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	101
16. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan	101
V. Cổ phiếu niêm yết	101
VI. Các đối tác liên quan đến việc niêm yết	
1. Tổ chức tư vấn niêm yết: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	104
2. Tổ chức kiểm toán: Công ty AFC	104
VII. Phụ lục (Báo cáo tài chính)	105

I. Các nhân tố rủi ro

1. Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ các sản phẩm gỗ. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thu nhập của người dân cao, đời sống vật chất được đảm bảo thì các nhu cầu xây dựng cao ốc, xây dựng nhà cửa, mua sắm các mặt hàng gỗ nội thất, gỗ ngoài trời, ván sàn... ngày càng cao.

Những năm trở lại đây, tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng trưởng khá cao và ổn định. Theo thống kê của Bộ Kế hoạch Đầu tư tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2004 đạt 7,8% ; GDP năm 2005 đạt 8,4% và GDP năm 2006 đạt 57 tỷ (USD) tăng 8,17%. Cùng với kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người tiếp tục tăng trưởng ổn định, năm 2006 thu nhập bình quân đầu người đạt 672 Đô la Mỹ/người, tăng thêm 5,33% so với năm 2005 (Nguồn : BMI (Business Monitor International Ltd), Swiss Re). Các chuyên gia phân tích đều cho rằng, nền kinh tế Việt Nam sẽ phát triển nhanh nhờ đẩy việc đẩy mạnh tiêu dùng cá nhân, đầu tư tư nhân và lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mạnh mẽ trong tương lai. Vì vậy việc tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ổn định ở mức từ 7,8 – 8,5%/năm là hoàn toàn khả thi. Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của ngành sản xuất chế biến sản phẩm gỗ.

Vì vậy có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động của Công ty

2. Rủi ro luật pháp

Thị trường của Trường Thành chủ yếu tập trung xuất khẩu sang thị trường châu Âu, Mỹ, Nhật..nên chịu ảnh hưởng bởi một số sắc thuế nhập khẩu, tập tục thương mại quốc tế, luật chống phá giá.

Tuy nhiên, kể từ khi gia nhập AFTA và WTO, thuế nhập khẩu mặt hàng gỗ của Việt Nam vào các thị trường nằm trong các khu vực này chỉ ở mức khoảng 3% nên rất cạnh tranh so với nhiều quốc gia lân cận khác. Bên cạnh đó, qua quá trình tiếp cận với thị trường thế giới trong 14 năm qua, một số cán bộ chủ chốt của Công ty đã thu thập nhiều kinh nghiệm trong thương mại và thanh toán quốc tế nên đảm bảo được ảnh hưởng từ rủi ro này ở mức thấp nhất.

Mặt khác, trong thời gian qua đã có nhiều tin đồn là ngành chế biến và xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam sẽ bị đánh thuế chống phá giá, nhất là sau sự kiện Trung Quốc bị Mỹ áp thuế chống phá giá lên một số nhóm mặt hàng gỗ, trong đó có nhiều nhất là các sản phẩm gỗ trong phòng ngủ. Tuy nhiên, theo phân tích của một số chuyên gia về luật chống phá giá của Mỹ thì rủi ro này là rất thấp đối với Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Lý do là:

- Luật chống phá giá thông thường chỉ được đem ra xem xét và áp dụng đối với các sản phẩm mang tính cạnh tranh trực diện với các nhà sản xuất trong nước sở tại. Trong khi đó, hầu hết các nhóm mã hàng sản phẩm của Công ty là ít được sản xuất tại Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản.
- Thị trường của Công ty trải rộng trên hơn 30 quốc gia nên dẫu có đối diện với việc áp thuế chống phá giá trên vài quốc gia thì ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của Công ty là không lớn.
- Sản lượng xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào thị trường thế giới theo định hướng của Chính phủ là 5,5 tỷ đô la Mỹ sau năm 2010, dự kiến chỉ chiếm khoảng 4,85% sản lượng nhập khẩu của thế giới vào thời điểm đó. Như vậy, nếu mỗi doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam biết phân bổ hàng hóa của mình vào từng thị trường xuất khẩu khác nhau theo tỷ lệ thích hợp thì khả năng quản lý và kiểm soát rủi ro là rất cao, hạn chế tối đa những khó khăn khi bị áp thuế chống phá giá.

Ngoài ra, hiện nay Nhà nước ta đang tích cực nghiên cứu, thực hiện các biện pháp hỗ trợ về thông tin thị trường, thông tin luật pháp của các nước nhập khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam. Và lại, Chính phủ Việt Nam cũng vừa ban hành định hướng phát triển lâm nghiệp cho giai đoạn 2006 đến 2020, với nội dung khuyến khích cao cho các thành phần kinh tế trồng rừng nguyên liệu và phát triển bền vững ngành chế biến gỗ. Trong đó, một trong những nội dung quan trọng là nâng cao kim ngạch xuất khẩu gỗ lên đến 7,8 tỷ USD trước năm 2015. Như vậy mức xuất khẩu của các doanh nghiệp gỗ Việt Nam sẽ tăng trưởng bình quân 25% mỗi năm, và điều này chứng tỏ rằng Chính phủ đã, đang và sẽ quan tâm hơn nữa trong việc tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển bền vững ngành chế biến gỗ Việt Nam.

Vì vậy, xét toàn cảnh môi trường pháp lý và tình hình thực tế của Công ty, rủi ro pháp luật ít có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro biến động giá nguyên liệu

Do nguyên liệu chủ yếu là gỗ, chiếm tỷ trọng từ 40% đến 60% trong giá thành sản phẩm nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty

Rủi ro tăng giá nguyên liệu bao gồm:

- Đặc tính trồng rừng khai thác gỗ với chu kỳ đầu tư khá dài, mất từ 4 đến 10 năm, thậm chí có gỗ lên đến 20-30 năm. Vì vậy trong những năm qua, khi nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn về vốn đầu tư trung, dài hạn, ngành trồng rừng của chúng ta đã chưa đủ sức thu hút các doanh nghiệp đầu tư, dẫn đến tình trạng thiếu gỗ địa phương cho ngành chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ Việt Nam.
- Các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu đồ gỗ đã phải nhập khẩu nguyên liệu đến 80% nhu cầu sử dụng. Trước đây, khi việc thu mua nguyên liệu phần lớn từ Indonesia và Malaysia, nhưng hiện nay, giá cả không còn cạnh tranh so với Nam Mỹ, và Châu Phi. Tuy nhiên, khi thu mua từ Nam Mỹ và Châu Phi, với cự ly vận chuyển xa hơn, sẽ có rủi

ro về cước vận chuyển tăng cao và đặc biệt với thời gian vận chuyển dài sẽ ảnh hưởng đáng kể đến ngân lưu và vốn lưu động phải tăng cao.

- Với lý do cung cầu còn tạm thời là chưa cân đối nên trung bình mỗi năm giá nguyên liệu tăng khoảng 10-20 % tùy chủng loại.
- Công ty là doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu theo tiêu chuẩn CoC (Chain of Custody) của thế giới, và cũng là thành viên của GFTN (Global Forest & Trade Network) trực thuộc WWF. Do đó, Công ty luôn luôn thu mua gỗ từ những nguồn rừng được chứng nhận quản lý bền vững do có chứng nhận FSC hoặc tương đương). Vì vậy, nguyên liệu mà Công ty đã, đang và sẽ mua giá cao hơn các loại gỗ cùng chủng loại mà không có chứng nhận.

Tóm lại, hoạt động kinh doanh của Công ty có chịu ảnh hưởng của những rủi ro về giá nguyên liệu. Tuy nhiên, theo thực tế trong quá trình, nếu tình trạng tăng giá nguyên liệu diễn ra thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra của sản phẩm, khi đó Công ty có thể tăng giá bán, doanh thu tăng và ***triệt tiêu được rủi ro tăng giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.***

Ngoài ra, việc nguyên liệu gỗ tăng trong nhiều năm qua đã kéo theo lợi nhuận của các nhà trồng rừng trên thế giới tăng cao, đồng thời kích thích việc đầu tư vào lĩnh vực trồng rừng có quy mô lớn tại các nước như Mỹ, Canada, Thụy Điển, Phần Lan, New Zealand, Uruguay, Chile, Brazil, Costa Rica, Nam Phi... và kể cả Trung Quốc. Tại Việt Nam, gần 10 năm trước đây, Chính phủ đã phát động trồng 5 triệu hecta rừng từ 1997-2007. Hiện nay, theo tổng kết, mặc dù chỉ đạt khoảng 2,2 triệu hecta với một số khiếm khuyết cần phải rút kinh nghiệm như cơ cấu chủng loại cây trồng, phân bổ vùng, và xác định thành phần đầu tư và quản lý..., nhưng sản lượng có thể khai thác trong vài năm tới đây cũng lớn tới 30 triệu m³ gỗ tròn mỗi năm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu chế biến gỗ và giấy trong nước. Và hiện nay, Chính phủ đã phát động trồng tiếp 2,5 triệu hecta rừng từ 2006-2010 trong khi diện tích đất trồng và đòi trợ của quốc gia có thể dành cho ngành trồng rừng còn đến khoảng 6,1 triệu hecta. Do đó, Công ty đã đề xuất và được chấp thuận bởi Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Daklak về việc trồng

50.000 hecta rừng trong 10 năm tới đây, nhằm phát triển bền vững lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

Mặt khác, trong ngắn hạn, thông qua việc gia nhập VFTN, thuộc GFTN - một mạng lưới toàn cầu liên kết chủ rừng, nhà chế biến đồ gỗ và các chuỗi bán hàng trên thế giới (các tập đoàn siêu thị như Carrefour, Homebase ...), Công ty luôn được thông báo các nguồn gỗ sắp được chứng nhận, giúp Công ty tiếp cận nguồn gỗ sớm hơn các bạn đồng ngành khác. Đặc biệt, Công ty có kế hoạch chuyển việc mua nguyên liệu theo từng lô gỗ sang việc mua những cánh rừng ở nước ngoài để cải thiện về giá cả.

4. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành chủ yếu là xuất khẩu sản phẩm gỗ vào thị trường quốc tế. Với doanh thu xuất khẩu chiếm hơn 80% trong tổng doanh số của Công ty, và cũng nhập khẩu nguyên vật liệu chiếm đến hơn 50% doanh số cũng bằng ngoại tệ là đô la Mỹ, do đó Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro về giá hối đoái. Đó là chưa kể đến việc Công ty sẽ thu được lợi nhuận nhiều hơn nếu Chính phủ duy trì lạm phát tiền Việt từ 5-10%, nhằm khuyến khích xuất khẩu.

Bên cạnh đó, thị trường chính của Công ty là Châu Âu (chiếm khoảng 60%) nên Công ty cũng không bị ảnh hưởng xấu khi đồng đô la Mỹ mất giá.

5. Rủi ro hội nhập

Việt Nam đã chính thức gia nhập Tổ chức Thương Mại Quốc tế (WTO) vào tháng 11 năm 2006. Theo cam kết lộ trình giảm thuế bắt đầu từ ngày 01/01/2007, Việt Nam sẽ cắt giảm hơn 1.800 dòng thuế nhập khẩu, điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung, cũng như các doanh nghiệp tại Việt Nam nói riêng.

Tuy nhiên, theo thống kê của Bộ Thương mại, trong Quý I năm 2007, lượng hàng nhập khẩu tăng, chủ yếu là máy móc thiết bị, nguyên liệu đầu vào như gỗ nguyên liệu, phôi thép... nhưng để phục vụ cho sản xuất chứ không phải do tác động của việc mở cửa thị trường và thực hiện các cam kết cắt giảm thuế suất theo lộ trình.

Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu có sự chuyển biến tăng tích cực về giá cả lẫn về số lượng. 7/19 nhóm hàng có tốc độ tăng kim ngạch cao hơn tốc độ tăng kim ngạch bình quân xuất khẩu của cả nước, đặc biệt kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ tăng từ 2003 với 563 triệu đô la Mỹ đến 2006 với 1912 triệu đô la Mỹ (3,4 lần).

Nhìn chung, việc Việt Nam gia nhập WTO sẽ hứa hẹn tăng trưởng mạnh hơn về nguồn vốn đầu tư nước ngoài, và đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa vào thị trường quốc tế cũng như được hưởng những điều kiện đối xử tối huệ quốc của tất cả các thành viên WTO, cải thiện cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại, hàng rào thuế quan được cắt giảm, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam thâm nhập thị trường quốc tế. Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập, các doanh nghiệp ngành chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro nhất định như mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt với không ít đối thủ từ các nước thành viên có nền kinh tế phát triển, với trình độ kỹ thuật cao hơn, đã và đang đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ tại Việt Nam với quy mô lớn.

Mặt khác, theo điều tra của một số tổ chức nghiên cứu thị trường, mức độ tiêu dùng đồ gỗ tại Việt Nam bình quân là 11 đô la Mỹ/người/năm và tăng trưởng khoảng 15%/năm. Đây là mức quá thấp so với hơn 100 đô la Mỹ/người/năm ở Châu Âu và Mỹ, nên chưa thu hút được các thương hiệu lớn về gỗ từ nước ngoài nhập khẩu vào. Tuy nhiên, dự kiến sau 5 năm nữa, thị trường nội địa sẽ phát triển đủ để thu hút việc nhập khẩu đồ gỗ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của một số thành phần có thu nhập cao. Vì vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cũng cần gấp rút xây dựng hệ thống phân phối và thương hiệu để giữ vững thị phần trong nước.

Do đó, trong quá trình hội nhập, Công ty gặp nhiều thuận lợi hơn là rủi ro theo phân tích trên. Điều cần chú ý chỉ là sự cạnh tranh về lao động lành nghề bởi các nhà đầu tư mới đến từ nước ngoài. Tuy vậy, Công ty đã nhận thức điều này từ nhiều năm trước nên đã đưa ra đề án xây dựng Trung tâm đào tạo ngành chế biến gỗ dành cho cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật. Cuối năm 2006, đề án này đã được thực hiện với sự viện trợ từ Tổ chức Hỗ trợ kỹ thuật Đức (GTZ) và Bộ Ngoại giao Đức. Theo thỏa thuận với GTZ, Trung tâm này sẽ nhận được khoảng 216.000 đô la Mỹ, 2 giảng viên từ tổ chức này và 1 chuyên gia đào tạo CIM từ Bộ Ngoại giao Đức. Cả 3 giảng viên này sẽ tham gia đào tạo cùng với các giảng viên của Công ty với tiền lương được chi trả bởi Bộ Ngoại Giao Đức trong 2 năm. Điều này góp phần làm ổn định lực lượng cán bộ quản lý và công nhân lành nghề trong quá trình phát triển của Công ty cũng như các công ty con của Công ty.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty cũng đã mua bảo hiểm nhà xưởng, hàng tồn kho, hàng thành phẩm, hàng vận chuyển đường biển, để giảm thiểu các rủi ro này.

II. Những người chịu trách nhiệm đối với nội dung bảng cáo bạch

1. Tổ chức niêm yết

Ông Võ Trường Thành	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành
Ông Nguyễn Đăng Đình Nguyên	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
Bà Hồ Thị Minh Thảo	Chức vụ: Thành viên Hội Đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bảng cáo bạch này là dựa vào kết quả kiểm toán, phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn niêm yết

Ông Võ Hữu Tuấn Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh** Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tại TP.Hồ Chí Minh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành cung cấp.

III. Các khái niệm/Định nghĩa

<i>Chữ viết tắt</i>	<i>Nghĩa đầy đủ</i>
Công ty	Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành
Trường Thành	Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành
CoC	Hệ thống theo dõi Chuỗi Hành Trình Sản Phẩm
ISO	Hệ thống quản lý chất lượng 9001:2000
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
TTFC	Truong Thanh Furniture Corporation (Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành
TGD	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
HĐQT	Hội đồng Quản trị

DHDCD	Đại hội đồng cổ đông
WWF	World Wide Fund for Nature, là một tổ chức Bảo vệ Môi trường Toàn cầu
GFTN	Global Forest Trade&Network, Mạng lưới Kinh doanh Lâm sản Toàn cầu, trực thuộc WWF
VFTN	Vietnam Forest Trade&Network, Mạng lưới Kinh doanh Lâm sản Việt Nam, trực thuộc WWF
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
XNK	Xuất nhập khẩu

IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức niêm yết

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được khởi nguồn từ một xưởng sơ chế gỗ ở vùng cao nguyên tỉnh Daklak vào năm 1993 với khoảng 30 công nhân cùng cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị thô sơ nên việc sản xuất chỉ đủ cung cấp cho các công trình xây dựng ở các tỉnh trong nước và một số xuất khẩu thông qua các công ty trung gian - thương mại có chức năng xuất nhập khẩu.

Sau 7 năm hoạt động, vào năm 2000, Công ty đã mua lại nhà máy VINAPRIMART của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tiên của tỉnh Bình Dương.



Và hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập đoàn – ông Võ Trường Thành, cùng với sự đồng tâm hiệp lực của đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp và giỏi nghề, Công ty đã phát triển thành công ty mẹ của Tập đoàn Trường Thành bao gồm 07 đơn vị thành viên với hơn 6500 CBCNV và cơ sở hạ tầng, hệ thống máy móc hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu, đã trở thành một trong những nhà sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ lớn nhất ở Việt Nam

Tập đoàn Trường Thành có hội sở chính đặt tại Bình Dương và 6 nhà máy chế biến sản xuất gỗ trải dài từ Daklak, thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương.

1.2. Quá trình phát triển

- **Năm 1993** thành lập Xí nghiệp Tư doanh Chế biến Gỗ Trường Thành tại Daklak, nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Trường Thành, gọi tắt là TTDL1,
- **Năm 2000** thành lập Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành tại Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương. Năm 2003 đã chuyển thành **Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành** gọi tắt là TTBD1 hay là Công ty trong Bảng Cáo Bạch này,
- **Năm 2002** thành lập Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành tại Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, gọi tắt là TTTTĐ.
- **Năm 2005** thành lập Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành tại Daklak, gọi tắt là TTDL2
- **Năm 2006** thành lập Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành Eah'leo tại Daklak, gọi là TTDL3
- **Năm 2006** thành lập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành tại Bình Dương, gọi tắt là TTBD2. Tuy nhiên, do thiếu vốn đầu tư nên theo nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông ngày 7/2/2007 thì công ty này sẽ được xây dựng vào tháng 6 năm 2007 với tổng mức đầu tư cố định gần 200 tỷ đồng.
- **Năm 2007** thành lập Công ty CP Trường Thành TNXP tại Phú Yên, gọi tắt là TTPY;
- **Năm 2007** thành lập Công ty CP Trồng rừng Trường Thành tại Dak Lak, gọi tắt là TTDL4

1.3. Những thành tích đã đạt được

Với thời gian hoạt động hơn 14 năm trong ngành chế biến gỗ, Trường Thành với tính cách tiên phong của mình, đã mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hơn 30 quốc gia và đạt được nhiều giải thưởng uy tín trong – ngoài nước:

- Giải thưởng “**Sao Bạch kim Chất lượng Quốc tế 2007**” (International Platinum Star Award 2007) do Tổ chức Business Initiative Directions (BID) trao tặng tháng 11 năm 2007 tại Pháp;
- Giải “**Sao Vàng Đất Việt TOP 100**” năm 2007 do Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam xét chọn và trao tặng;
- Cúp **TOP TEN CHẤT LƯỢNG HỘI NHẬP WTO** năm 2007, do Liên hiệp Các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam xét chọn và trao tặng;
- Cúp vàng “**Chất lượng và Uy tín Thương mại Châu Âu 2007**” (Golden Cup for Europe Quality & Commercial Prestige) do Tổ chức OtheWays (Pháp) trao tặng tháng 01/2007 tại Berlin – Đức;
- Giải thưởng “**Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín 3 năm liên tục 2004, 2005, 2006**” do Bộ Thương mại trao tặng tháng 1 năm 2007
- Giải thưởng “**Sao vàng Chất lượng Quốc tế 2006**” (Internatinal Gold Star Award 2006) do Tổ chức BID trao tặng tháng 10/2006 tại Thụy Sĩ;
- Bằng khen “**Thành tích Xuất khẩu Xuất sắc 2005**” do Bộ Thương mại xét chọn và trao tặng tháng 09/2006
- Cúp vàng “**Doanh nghiệp Kinh doanh Xuất sắc 2006**” (2006 Business Excellence Awards) do Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế và Báo Thương mại xét chọn và trao tặng tháng 08/2006
- “**Giải vàng Chất lượng Việt Nam 2005**” do Tổng Cục Đo lường Chất lượng Việt Nam xét chọn và Thủ tướng Việt Nam trao tặng vào tháng 11/2005
- “**Cúp vàng Chất lượng Quốc tế 2005**” (International Trophy For Quality) và Huy chương vàng quản lý chất lượng toàn cầu do Câu lạc Bộ Doanh nhân hàng đầu thế giới trao tặng tại Tây Ban Nha vào tháng 11/2005.

- “**Cúp vàng chất lượng Châu Âu 2005**” (International Europe For Quality) Câu lạc bộ Doanh nhân Hàng Đầu thế giới trao tặng tại Roma – Ý vào tháng 10/2005
- Giải “**Sao vàng Đất Việt**” năm 2003 – 2005 do bạn đọc Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn và Phó Chủ tịch nước trao tặng
- Danh hiệu “**Hàng Việt Nam chất lượng cao**” năm 2006 – 2007 do người tiêu dùng bình chọn và Báo Tiếp thị Sài Gòn tổ chức
- 03 Cúp vàng “**Hàng Việt Nam hội nhập AFTA**” do Bộ Trưởng Bộ Khoa học Công nghệ Việt Nam cấp trong tháng 05/2004
- Chứng nhận **SGS-COC 1228** (Kiểm soát chuỗi hành trình sản phẩm) do Tổ chức SGS (Thụy Sĩ) cấp năm 2002
- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng **ISO 9001:2000** do Tổ chức SGS (Thụy Sĩ) cấp năm 2003
- **Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ** vì hoạt động sản xuất – kinh doanh xuất sắc và đóng góp vào sự phát triển kinh tế của nước nhà
- Và nhiều bằng khen khác về hoạt động kinh tế - xã hội tại Việt Nam do các Bộ, ban ngành liên quan trao tặng



Cúp vàng “**Ngôi sao Chất lượng Quốc tế**”,
được trao tặng tại Thụy Sĩ năm 2006



Cúp vàng “**Chất lượng Quốc tế**”,
được trao tặng tại Tây Ban Nha năm 2005



Cúp Vàng “**Chất Lượng Châu Âu**”,
được trao tặng tại Ý năm 2006



Giải Vàng “**Chất lượng Việt Nam**”, do Tổng
Cục Đo lường Việt Nam xét chọn năm 2005



Danh hiệu “**Hàng Việt Nam Chất lượng cao**” do
Người tiêu dùng bình chọn năm 2006 – 2007



Giải thưởng “**Sao Vàng Đất Việt TOP
100**”, được trao tặng năm 2007



Cúp **TOP TEN CHẤT LƯỢNG HỘI NHẬP WTO**
năm 2007



Cúp “**Thương hiệu mạnh**” năm
2004 – 2005 - 2006



Chứng nhận “**Kiểm soát chuỗi hành trình sản phẩm
(CoC)**”, được cấp từ năm 2002



Chứng nhận **ISO 9001:2000**,
được cấp từ năm 2003



Nhận giải Cúp vàng Sản phẩm Uy tín Chất lượng



Nhận giải “Thương hiệu Mạnh”



Nhận giải “Sao Vàng Chất lượng Quốc tế” tại Thụy Sĩ



Nhận giải “Sao Vàng Đất Việt”

1.4 Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ Trường Thành.**

Tên tiếng Anh: **Truong Thanh Furniture Corporation**

Tên viết tắt: **TTFC**

Logo của Công ty:



Vốn Điều lệ: 150.000.000.000 VND (một trăm năm mươi tỷ đồng VN)

Trụ sở chính: Ấp Bình Phước B, Bình Chuẩn, Thuận An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84-0650)740 690 Fax: (84-0650) 740 692

Email: truongthanh@truongthanh.com, contact@truongthanh.com

Website: www.truongthanh.com

Giấy CNĐKKD: Số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/8/2003, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 10/2/2004 (chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ nghệ gỗ Trường Thành, giấy Chứng nhận ĐKKD số 4602000062 ngày 24/5/2000), thay đổi lần thứ 3 ngày 3/10/2007

Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm **10/1/2008**:

STT	Cổ đông	Giá trị sở hữu (đồng)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong Công ty	58.629.510.000	5.862.951	39,09
	1.Cổ đông đặc biệt (HDQT, BKS, BGD, KTT)	55.109.010.000	5.510.901	36,74
	2.Người lao động trong Công ty (không tính HDQT, BKS, BGD, KTT)	3.520.500.000	352.050	2,35
	- Người lao động trong nước	3.520.500.000	352.050	2,35
	- Người lao động nước ngoài	0	0	0
II	Cổ đông ngoài Công ty	91.370.490.000	9.137.049	60,91
	- Tổ chức và cá nhân trong nước	57.231.490.000	5.723.490	38,16
	- Tổ chức và cá nhân nước ngoài	34.139.000.000	3.413.900	22,75
	Tổng cộng	150.000.000.000	15.000.000	100

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành

Tất cả là cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Theo khoản 1 và khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005 qui định về cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập, trong 3 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy CNĐKKD, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành được cấp giấy CNĐKKD vào ngày 18/8/2003, như vậy hạn chế chuyển nhượng của các cổ đông sáng lập của Công ty sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 18/8/2006, từ sau thời điểm này tất cả cổ phần của cổ đông sáng lập đều được tự do chuyển nhượng (ngoại trừ các cổ đông sáng lập là thành viên của HĐQT, BKS, BGD, Kế toán trưởng thì sẽ tiếp tục cam kết hạn chế chuyển nhượng theo luật pháp quy định)

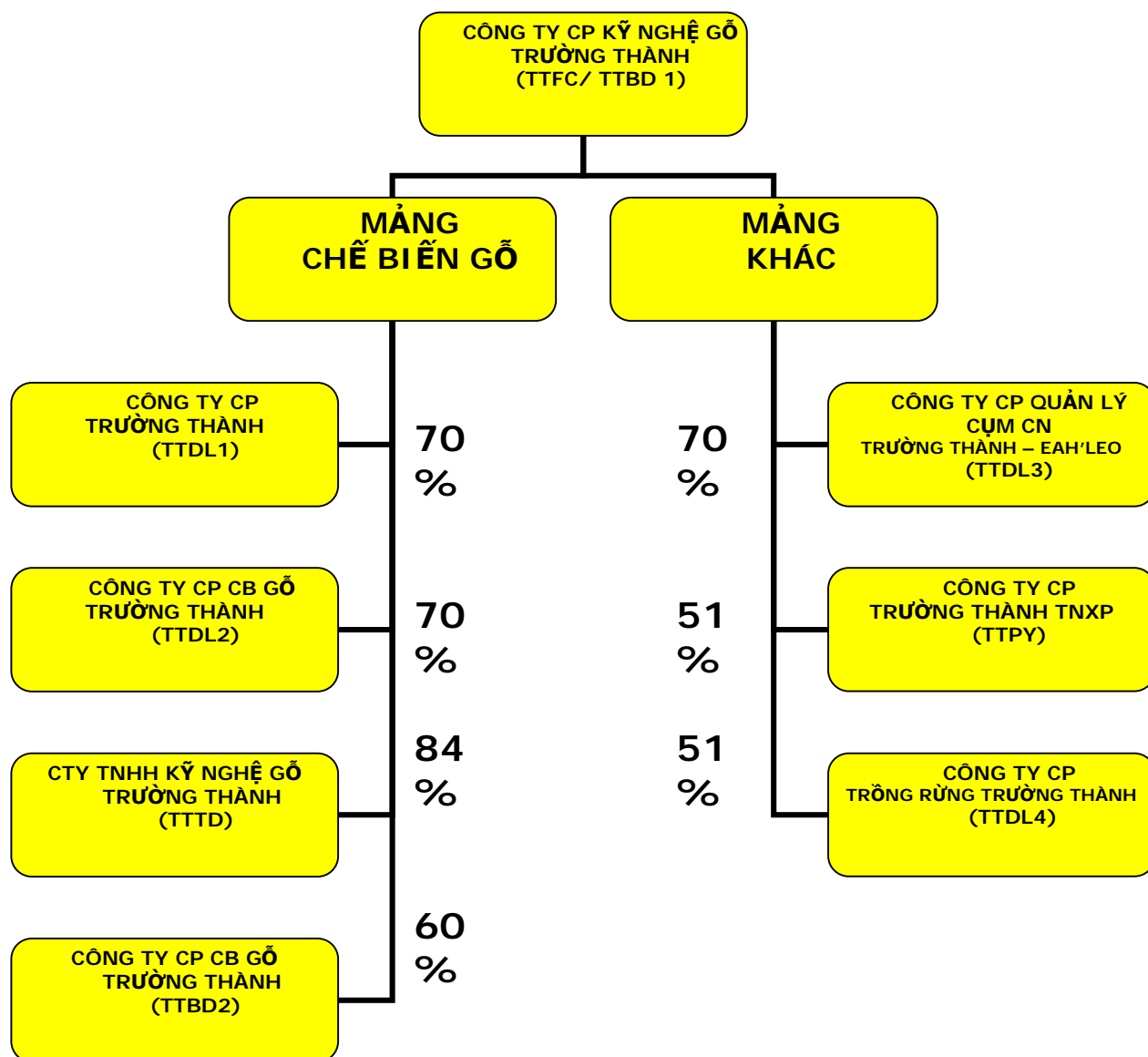
Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/08/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 3/10/2007:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc;
- Mua bán phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Mua bán phân bón

2. Cơ cấu tổ chức

2.1 Cơ cấu tổ chức quản lý qua mô hình Công ty mẹ - con của Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành.

STT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Hoạt động tại
1	Công ty CP Trường Thành (TTDL 1)	1993	Dak Lak
2	Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTBD1)	2000	Bình Dương
3	Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTTD)	2002	TPHCM
4	Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTDL2)	2005	Dak Lak
5	Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2)	2006	Bình Dương
6	Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành EaH'leo (TTDL3)	2006	Dak Lak
7	Công ty CP Trường Thành TNXP (TTPY)	2007	Phú Yên
8	Công ty CP Trồng rừng Trường Thành (TTDL4)	2007	Dak Lak



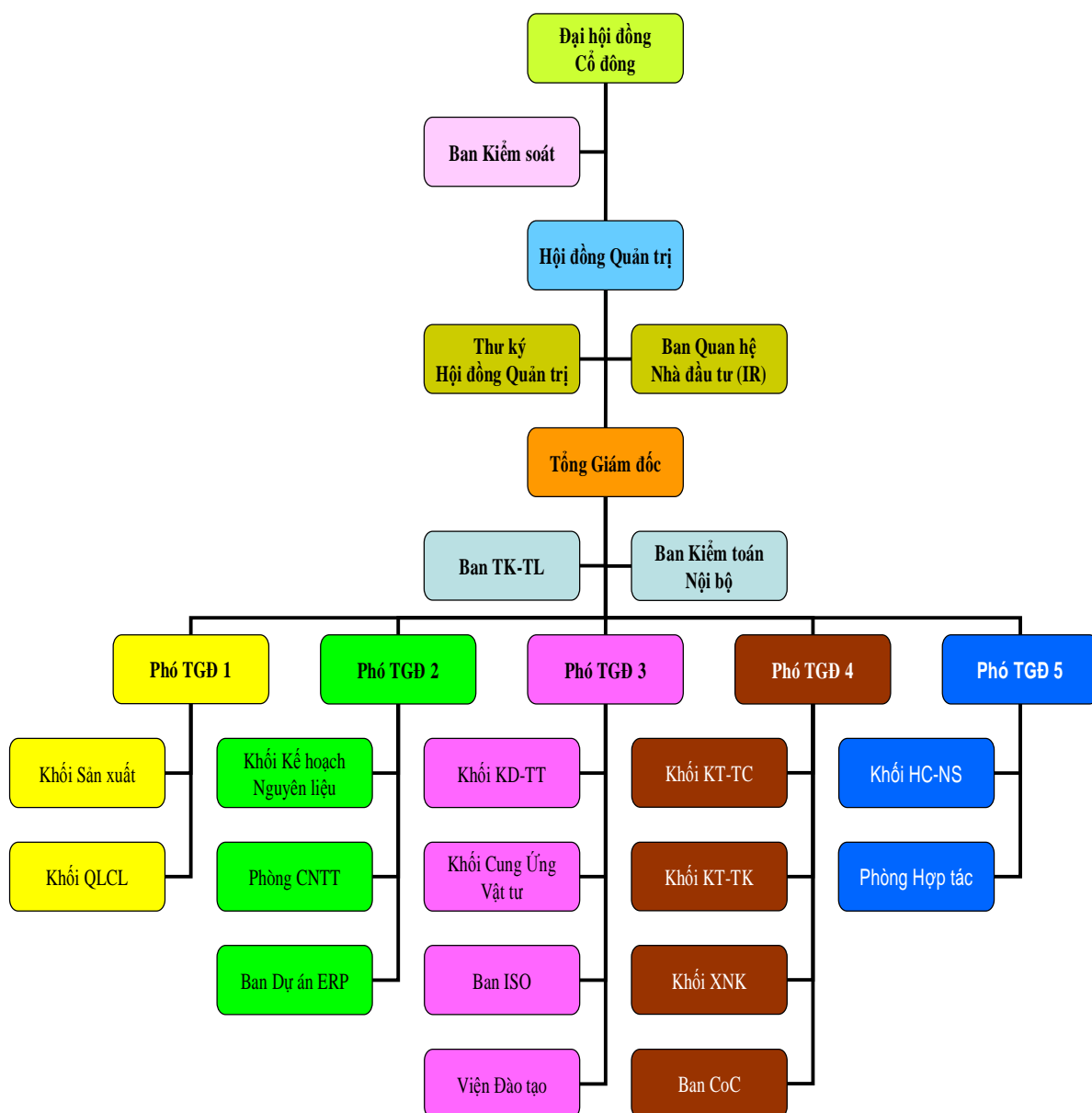
Ghi chú: Tỷ lệ nêu trên là tỷ lệ được xác định trong quyền đầu tư của Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành vào các công ty con. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tiến độ huy động vốn từ việc phát hành lần đầu công chúng mà Công ty có kế hoạch như sau:

Năm 2007: hoàn tất đầu tư theo tỷ lệ trên và trở thành công ty mẹ của TTDL1, TTDL2, TTTD

Năm 2008: hoàn tất đầu tư theo tỷ lệ trên và trở thành công ty mẹ của TTBD2, TTDL3, TTPY và TTDL4

2.2 Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty bản sửa đổi đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua ngày 10/11/2007 là cơ sở chi phối mọi hoạt động của Công ty.



Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

2.3 Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền.

Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, quản trị Công ty giữa 2 kỳ Đại hội. Hiện tại Hội đồng Quản trị Công ty có 8 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên 5 năm.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm 4 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm.

Tổng giám đốc: Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng Giám đốc có nhiệm kỳ là 3 năm.

Phó Tổng Giám đốc: Phó Tổng Giám đốc do Tổng Giám đốc bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty trong phạm vi được Tổng Giám đốc chỉ định phụ trách, theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Một số phòng ban chức năng chính của Công ty:

- **Khối Quản lý Chất lượng:** Hoạch định, tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra chất lượng và thử nghiệm các loại nguyên vật liệu và thành phẩm
- **Khối Sản xuất:** Hoạch định, tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất - chế biến gỗ trong Công ty, từ sơ chế đến tinh chế ra thành phẩm.
- **Khối Kế hoạch – Nguyên liệu:** Hoạch định kế hoạch sản xuất, phân bổ đơn hàng, theo dõi tiến độ sản xuất, kế hoạch thu mua – mua xẻ - cấp phát nguyên liệu
- **Khối Kinh doanh - Tiếp thị:** Hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường, triển lãm, tổ chức sự kiện, bán hàng và đo lường thỏa mãn của khách hàng
- **Khối Hành Chính – Nhân sự:** Hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý nguồn nhân lực và quản trị hành chính

- **Khối kỹ thuật - thiết kế:** nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới, nghiên cứu và cố vấn cho khách hàng các vấn đề về kỹ thuật, lập các hồ sơ kỹ thuật cho từng sản phẩm được đặt hàng...
- **Khối Kế toán – Tài chính:** kiểm soát các hoạt động hạch toán kế toán, quản trị tài sản, quản lý kho nguyên vật liệu và thành phẩm, tham mưu giá bán sản phẩm cho BGD, kiểm soát dòng tiền, xem xét và đề xuất các dự án đầu tư cũng như các phương án huy động vốn, lập báo cáo tài chính...
- **Khối Cung ứng Vật tư:** dự trữ, đặt hàng và cung cấp các loại vật tư - phụ liệu, máy móc thiết bị theo kế hoạch kinh doanh và lệnh sản xuất; thiết kế bao bì, lập sơ đồ xếp hàng lên container

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 10/1/2008

ST T	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Trị giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	VÕ TRƯỜNG THÀNH	1436D Phạm Thế Hiển, P.5, Quận 8, TpHCM	2.250.544	22.505.440.000	15%
2	AUREOS SOUTH-EAST ASIA FUND L.L.C.	Lầu 4, tòa nhà Les Cascades, đường Edith Cavell, Port Louis, Mauritius	1.087.229	10.872.290.000	7,25%
3	DIỆP THỊ THU	2G Bùi Minh Trực, P.5. Quận 8, TpHCM	1.683.328	16.833.280.000	11,22%
4	CTY TNHH CHỨNG KHÓA NHNO&PTNT VIỆT NAM	Số 4 Phạm Ngọc Thạch, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	827.513	8.275.130.000	5,52%

ST T	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Trị giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
5	VOF INVESTMENT LIMITED	Commence Chambers, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	750.000	7.500.000.000	5,00%
	Tổng cộng		6.598.614	65.986.140.000	43,99%

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức niêm yết

4.1 Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối của Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành: Không có

4.2 Danh sách các Công ty con mà Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành đang nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối:

4.2.1 Công ty Cổ phần Trường Thành (trước đây là Xí nghiệp tư doanh)

- Địa chỉ: Km 86, Quốc lộ 14, xã Earal, huyện EaH'Leo, Đăklăk
- Điện thoại: 050.779.110
- Giấy CNĐKKD số: 40.03.000108, cấp ngày 13 tháng 02 năm 2007
- Vốn Điều lệ: **30.000.000.000 đồng**
- Ngành nghề kinh doanh:

Trồng rừng. Khai thác gỗ. Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa. Mua bán phụ tùng, phụ kiện, máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu trong ngành chế biến gỗ. Mua bán, gia công hàng nông, lâm, thủy, hải sản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Kinh doanh vận tải hàng bằng xe ô tô (xe tải thùng, xe container siêu trường, siêu trọng, xe kéo rơ-mooc.)

- Tỷ lệ cổ phần do Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành nắm giữ: **70%**

4.2.2 Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành

- Địa chỉ: Km 83, Quốc lộ 14, xã Ea Ral, Huyện EaH'Leo, Dak Lak
- Điện thoại: 050. 779 254
- Giấy CNĐKKD Số: 40.03.000.015; Đăng ký lần đầu ngày 22/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 02, ngày 28/05/2007
- Vốn điều lệ: **28.000.000.000 đồng**
- Ngành nghề kinh doanh:
Trồng rừng. Khai thác và sơ chế gỗ. Chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa. Mua bán, gia công : sản phẩm mộc; sản phẩm nông, lâm, thủy, hải sản; phụ tùng, phụ kiện, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu trong ngành chế biến gỗ. Đại lý ký gửi hàng hóa. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô (Xe thùng, xe container, siêu trường-siêu trọng, xe kéo rơ mooc.)
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty CP kỹ nghệ Gỗ Trường Thành: **70%**

4.2.3 Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

- Địa chỉ: Đào Trinh Nhất, Linh Tây, Thủ Đức, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.720 1410
- Giấy CNĐKKD số: 4102009190 Đăng ký lần đầu ngày 03/04/2002, đăng ký thay đổi lần 06, ngày 30/05/2007
- Vốn điều lệ: **10.000.000.000 đồng**
- Ngành nghề kinh doanh:
Mua bán, sản xuất nông – lâm – thủy – hải sản. Đại lý ký gửi mua bán hàng hóa. Sản xuất đồ mộc gia dụng, ván trang trí nội thất. Mua bán, gia công các sản phẩm mộc gia dụng, phụ tùng, phụ kiện, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu trong ngành gỗ (trừ chế biến gỗ, gia công cơ khí, trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện).
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành: khoảng **84%**

4.2.4 Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành

- Địa chỉ giao dịch: Ấp Bình Phước B, Bình Chuẩn, Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Địa chỉ nhà máy: Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0650.652.331
- Giấy CNĐKKD số: 4603000238; Đăng ký lần đầu, ngày 30/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 10/9/2007
- Vốn điều lệ: **135.000.000.000 đồng**
- Ngành nghề kinh doanh:
Sản xuất đồ mộc, ván trang trí nội thất. Mua bán gia công các sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện, máy móc thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu trong ngành chế biến gỗ. Mua bán, gia công các sản phẩm nông, lâm sản. Cho thuê kho bãi. Đại lý ký gửi hàng hóa.
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Trường Thành nắm giữ: **60%**

4.2.5 Công ty Quản lý cụm Công nghiệp Trường Thành Ea H'leo

- Địa chỉ: Km 83, Quốc lộ 14, Huyện EaH'Leo, Dak Lak
- Điện thoại: 050.779.254
- Giấy CNĐKKD số: 40.03.000.088, đăng ký lần đầu ngày 4 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 17 tháng 7 năm 2007
- Vốn điều lệ: **50.000.000.000 đồng**
- Ngành nghề kinh doanh:
Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp; quản lý – cho thuê mặt bằng, hạ tầng cụm công nghiệp; xây dựng – cho thuê căn hộ; kinh doanh nhà; mua bán phụ tùng – phụ kiện – máy móc thiết bị - nguyên liệu – phụ liệu trong ngành chế biến gỗ; mua bán các sản phẩm nông lâm; đại lý ký gửi hàng hóa; kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô (xe tải thùng, xe container siêu trường, siêu trọng, xe kéo rơ móc)
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Trường Thành nắm giữ: **70%**

4.2.6. Công ty Cổ phần Trường Thành Thanh Niên Xung Phong

- Địa chỉ: 333 Lê Duẩn, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Điện thoại: 057.212152
- Vốn điều lệ: **30.000.000.000 đồng**
- Giấy CNĐKKD số: 3603000087; Đăng ký lần đầu ngày 31/8/2007
- Ngành nghề kinh doanh:

Nuôi trồng, mua bán và chế biến thủy hải sản; Trồng rừng, cây công nghiệp và bảo vệ rừng; Dịch vụ lữ hành nội địa, du lịch sinh thái, khu du lịch; Kinh doanh câu lạc bộ thể dục thể thao; Xuất, nhập khẩu các loại phế liệu; Dịch vụ xử lý môi trường; Dịch vụ lưu trú, khách sạn; Kinh doanh nhà hàng; Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bến cảng; San lấp mặt bằng; Thi công lưới điện 35KV; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường; Chế tạo, gia công, lắp đặt cơ khí, khu nhà tiền chế; Mua bán và lắp đặt các trang thiết bị gia dụng

- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Trường Thành nắm giữ: **51%**

4.2.7. Công ty Cổ phần Trồng Rừng Trường Thành

- Địa chỉ: 35 đường Quang Trung, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuộc, tỉnh Dak Lak
- Điện thoại: 050.850356
- Vốn điều lệ: **53.191.490.000 đồng**
- Giấy CNĐKKD số: 40.03.000.150; Đăng ký lần đầu ngày 14/9/2007
- Ngành nghề kinh doanh:

Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Trồng cây lâu năm (hồ tiêu, cao su, cà phê, điều); Khai hoang cơ giới; San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình cầu đường; Chế biến nông sản; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất gỗ dán, ván ép, bao bì bằng gỗ và các sản phẩm khác từ gỗ; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ

tầng khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh du lịch
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Trường Thành nắm giữ: **51%**

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Các nhóm sản phẩm chính của Công ty:

Hiện nay Công ty đang sản xuất 4 nhóm sản phẩm:

a) Đồ gỗ nội thất

Đồ gỗ nội thất như bàn, ghế, tủ, giường, kệ...chủ yếu làm bằng gỗ Teak, Cherry, Mahogany, Thông, Beech, Cao su, MDF dán veneer

Một số sản phẩm gỗ nội thất



b) Đồ gỗ ngoại thất

Đồ gỗ ngoại thất như bàn, ghế, băng, ghế nằm, xe đẩy rượu...chủ yếu là bằng gỗ Teak, Bạch đàn, Xoan đào, Dầu, Chò chỉ, Tràm...

Một số sản phẩm gỗ ngoại thất



c) Ván sàn gỗ:

Nguyên liệu làm bằng gỗ Hương, Cẩm xe, Teak, Cherry...chủ yếu là xuất đi Ý, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Mỹ, Úc,...



Sản phẩm ván sàn của Công ty

d) Khác: Gỗ xẻ S4S, các chi tiết nhỏ bằng gỗ...

5.2 Doanh thu, lãi gộp qua các năm

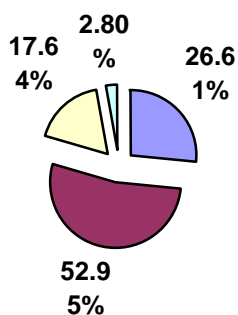
Năm 2005 và 2006: theo báo cáo đã kiểm toán của Công ty (chưa bao gồm các công ty con)

9 tháng đầu năm 2007: theo báo cáo quản trị được hợp nhất bởi Công ty Kiểm toán AFC (chỉ mới hợp nhất với 2 công ty con theo tiến trình đầu tư theo mô hình công ty mẹ - con nêu trên)

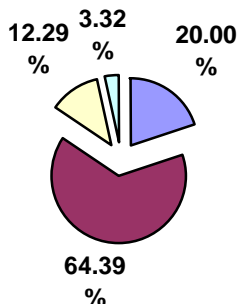
5.2.1 Doanh thu từng nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

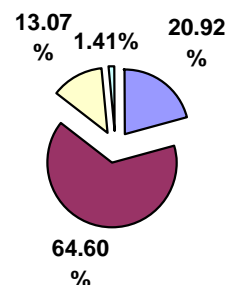
Hạng mục	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007	
	Doanh thu	Chiếm tỷ lệ	Doanh thu	Chiếm tỷ lệ	Doanh thu	Chiếm tỷ lệ
Đồ gỗ nội thất	45.290	26,61%	65.250	20,00%	130.227	20,92 %
Đồ gỗ ngoại thất	90.120	52,95%	210.020	64,39%	402.136	64,60 %
Ván sàn	30.015	17,64%	40.093	12,29%	81.362	13,07 %
Khác	4.773	2,80%	10.825	3,32%	8.785	1,41 %
Tổng doanh thu	170.198	100%	326.188	100%	622.510	100 %



Cơ cấu doanh số năm 2005



Cơ cấu doanh số năm 2006



Cơ cấu doanh số năm 2007



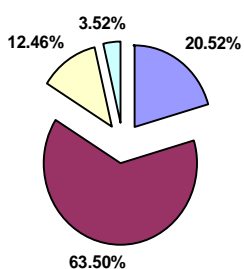
Doanh thu hàng ngoại thất tăng dần tỷ lệ trong cơ cấu vì:

- + Nguyên liệu làm bằng Teak có trị giá cao gần như gấp đôi các loại gỗ cứng khác, nên khi tăng sản lượng dòng hàng bằng nguyên liệu này, doanh thu sẽ tăng mạnh hơn.
- + Công ty có nhiều thiết kế mới cho dòng hàng này hơn nên có nhiều đơn hàng hơn
- + Công ty có nhiều khách hàng mới hơn cho dòng hàng này từ khi gia nhập mạng VFTN, do nguyên liệu do dòng hàng này được đòi hỏi tính minh bạch về nguồn gốc gỗ cao hơn

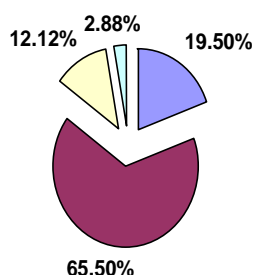
5.2.2 Lãi gộp từng nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

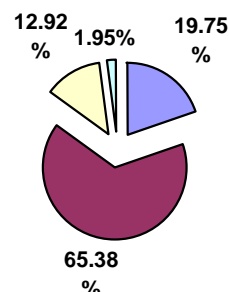
Hạng mục	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007	
	Lãi gộp	Chiếm tỷ lệ	Lãi gộp	Chiếm tỷ lệ	Lãi gộp	Chiếm tỷ lệ
Đồ gỗ nội thất	7.202	20,52%	12.042	19,50%	28.198	19,75 %
Đồ gỗ ngoại thất	22.287	63,50%	40.449	65,50%	93.348	65,38 %
Ván sàn	4.374	12,46%	7.485	12,12%	18.447	12,92 %
Khác	1.235	3,52%	1.779	2,88%	2.786	1,95 %
Tổng lãi gộp	35.098	100%	61.755	100%	142.779	100%



Cơ cấu lãi gộp năm 2005



Cơ cấu lãi gộp năm 2006



Cơ cấu lãi gộp năm 2007



Lãi gộp của dòng hàng ngoại thất chiếm tỷ lệ cao hơn trong cơ cấu lãi gộp so với doanh thu hàng ngoại thất trong cơ cấu doanh thu vì:

- + Làm dòng hàng ngoại thất có lãi nhiều hơn hàng nội thất
- + Công ty thiết kế hàng ngoại thất nhiều hơn hàng nội thất nên lãi gộp cao do Công ty bán được giá tốt (có giá trị gia tăng cao), trong khi hàng nội thất đa phần làm theo mẫu mã của khách hàng.
- + Lãi gộp của dòng hàng ván sàn tăng lên trong 9 tháng đầu năm 2007 do Công ty đã chuyển dịch được nhiều sang ván sàn bằng Teak, thay dần cho gỗ Hương trước đây, và bán được với giá tốt, do ít có đối thủ cạnh tranh có thể đáp ứng được chất lượng hàng ván sàn bằng Teak này.

5.3 Nguyên liệu:

5.3.1 Nguyên liệu theo từng nhóm sản phẩm:

- **Đồ gỗ nội thất (bàn, ghế, tủ, giường, kệ...):** chủ yếu được làm bằng gỗ Teak, Còng, Thông, Beech, Cao su,...xuất sang thị trường Nhật bản, Pháp và Mỹ. Mẫu mã hiện đại, có yêu cầu về chất lượng khá cao, đặc biệt khi xuất cho Nhật và Pháp.

- **Đồ gỗ ngoại thất (bàn, ghế, băng, ghế nằm, xe đẩy rượu...):** chủ yếu được làm bằng gỗ Teak, Bạch đàn, Dầu, Chò chỉ, Xoan đào, Tràm bông vàng,...xuất sang thị trường Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức, Hà Lan, Hy Lạp, Phần Lan, Đan Mạch, Mỹ, Brazil, Mexico, Argentina, Nam Phi, Úc, Nhật, Hàn quốc, Hồng Kông,...Mẫu mã hiện đại, phối hợp chung với khung kim loại, kính, đá granite, textilen,...có yêu cầu khá cao về tiêu chuẩn an toàn, tính thời trang và tính tiện dụng. Xu hướng dùng nguyên liệu có chứng nhận FSC (chứng nhận về rừng được quản lý bền vững) hoặc tương đương đang tăng cao, nguyên liệu ít được chứng nhận do xuất phát từ rừng trồng tự nhiên như Dầu, Chò chỉ,...đang giảm dần.
- **Ván sàn gỗ dành cho trong nhà và ngoài trời:** chủ yếu được làm bằng gỗ Teak, Hương, Cẩm xe, Còng,...xuất sang thị trường Nhật bản, Ý, Tây Ban Nha, Mỹ, Úc,...với yêu cầu chất lượng khá cao. Hiện tại, nguồn nguyên liệu Hương chưa đáp ứng đủ với nhu cầu của đơn hàng. Công ty xuất nhiều nhất hiện nay là ván sàn bằng Teak và Cẩm xe.

5.3.2 Chính sách gỗ:

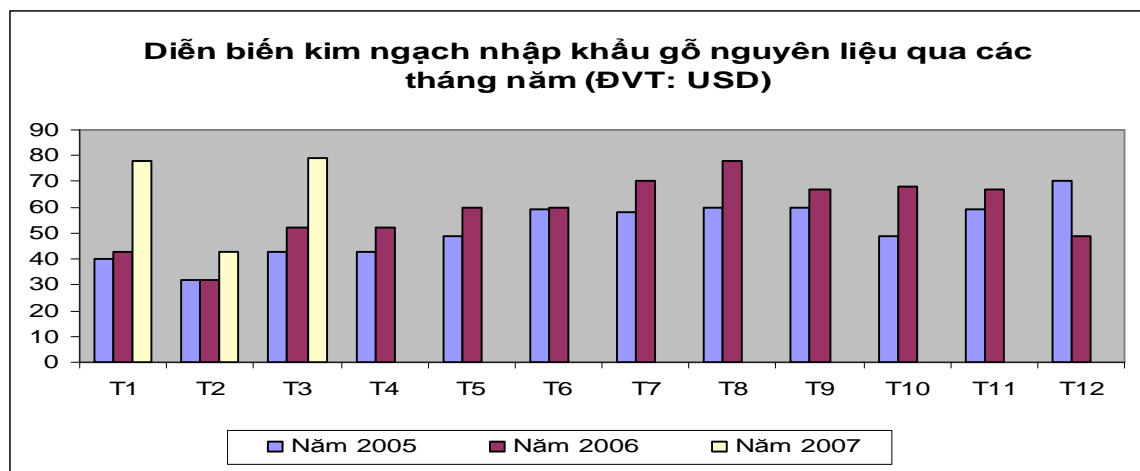
Tất cả các nguyên liệu của Công ty được thu mua theo Chính sách Gỗ của Công ty. Nguồn nguyên liệu luôn đảm bảo có chứng nhận FSC hoặc chứng nhận rừng trồng hoặc chứng nhận khai thác hợp pháp. Đây là chiến lược kinh doanh có trách nhiệm và phát triển bền vững của Công ty.

5.3.3 Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên liệu:

- Qua thống kê, nguồn nguyên liệu chính của Công ty chủ yếu là nhập từ nước ngoài như Nam Phi, Brazil, Uruguay, Ghana, Togo, Miến Điện, Mỹ, Canada,...chiếm khoảng 80% nguyên liệu phục vụ cho sản xuất chế biến, 20% còn lại được thu mua từ nguồn nguyên liệu trong nước chủ yếu là các loại gỗ Còng, Cao su, xoan đào, chò chỉ, tràm là những loại nguyên liệu chiếm tỷ trọng thấp trong hoạt động sản xuất chế biến gỗ. Các nguồn nguyên liệu nhập từ nước ngoài là các đối tác lâu dài, uy tín và Công ty chủ động trong

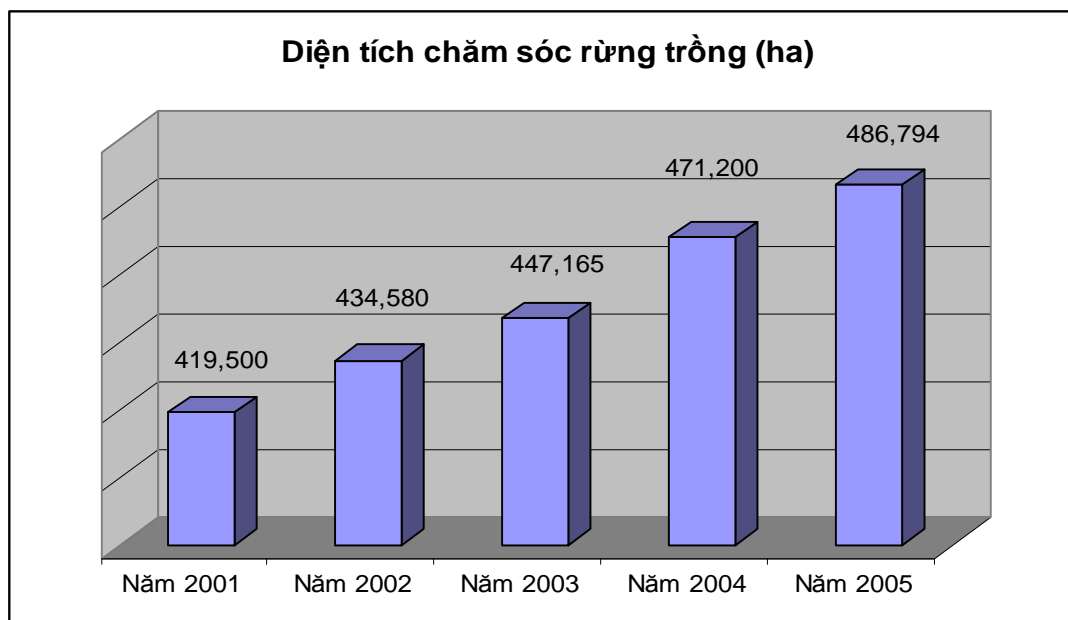
việc nhập khẩu nguyên liệu dự trữ ổn định cho sản xuất. Đáng chú ý hơn nữa là việc phát triển rừng trồng rất mạnh tại nhiều quốc gia như Thụy Điển, Mỹ, Canada, Brazil, Ấn độ, Trung Quốc, Phần Lan, New Zealand... ***đảm bảo cho nguồn cung rất phong phú cho nhu cầu hiện nay và trong tương lai.***

- Theo thống kê của Trung tâm thương mại – Bộ thương mại, quý I năm 2007 kim ngạch nhập khẩu gỗ đạt 199 triệu USD, tăng 56% so với cùng kỳ 2006, năm 2007 kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu vẫn tiếp tục tăng. Ngành xuất khẩu gỗ vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng trên 20% khiến nhập khẩu gỗ trong quý I tăng mạnh.



Nguồn: Trung tâm Thông tin Thương mại - Bộ Thương mại

- Nguồn cung cấp nguyên liệu trong nước chưa dồi dào và chưa đủ đáp ứng cho nhu cầu sản xuất hiện nay và trong tương lai gần. Nhưng với các chương trình phát triển trồng rừng của Chính phủ thì sau 3 năm nữa sẽ ***giảm đáng kể sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu.***



Nguồn: Trung tâm Thông tin Thương mại - Bộ Thương mại

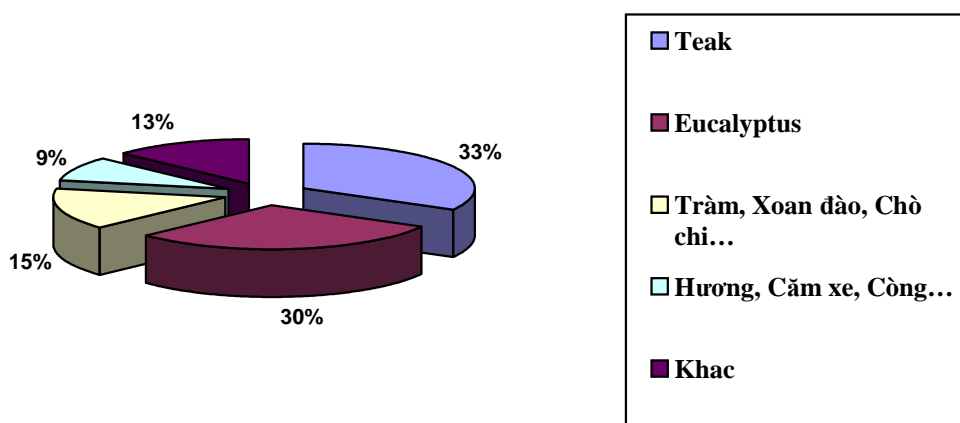
- Và với dự án trồng rừng 50.000 hecta của Công ty thì sau 10 năm nữa, chẳng những Công ty không phải mua nguyên liệu mà còn có thể cung cấp cho các bạn đồng ngành khác với khối lượng hàng năm rất lớn (khoảng 700.000m³/năm)
- Danh sách một số nhà cung cấp chính hiện nay về nguyên liệu (hợp pháp, rừng trồng, có chứng nhận FSC,...) cho Công ty:

Nhà cung cấp	Nguyên liệu	Nguồn gốc gỗ
OLAM	Teak	Ghana, Brazil
CITIP	Teak	Togo
Cheung Hing	Teak, Acacia	Myanmar
Araupel, Flosul	Eucalyptus	Brazil
Arbor	Eucalyptus	Urugoay, Nam Phi
Timber Two	Eucalyptus	Nam Phi
Klabin	Eucalyptus	Brazil

Nguồn: Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

5.3.4 Tỷ lệ gỗ nguyên liệu dùng trong sản xuất của Trường Thành (năm 2006)

STT	Gỗ nguyên liệu	Tỷ lệ (%)
1	Teak	33
2	Eucalyptus	30
3	Tràm, Xoan đào, Chò chỉ, Dầu,...	15
4	Hương, Cẩm xe, Còng...	9
5	Gỗ khác	13
Tổng cộng		100%



5.3.5. Ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Do nguyên liệu chủ yếu là gỗ, chiếm tỷ trọng từ 40% đến 60% trong giá thành sản phẩm nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên theo thực tế trong quá khứ, nếu tình trạng tăng giá nguyên liệu diễn ra thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra của sản phẩm, khi đó Công ty có thể tăng giá bán, doanh thu tăng và triệt tiêu được rủi ro tăng giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Trong 3 năm vừa qua, nguyên liệu tăng giá nhiều là Teak và FSC Eucalyptus, với mức tăng từ 10 – 30%/năm. Trung bình khi gỗ Teak tăng 20% thì giá thành phẩm sẽ tăng 10% do giá

vốn nguyên liệu gỗ Teak thường chiếm 50% trong giá bán. Tuy nhiên, do sản phẩm của Công ty những thiết kế riêng đảm bảo những tiêu chuẩn nhất định không thể thay thế được nên việc tăng giá bán khi giá nguyên vật liệu tăng vẫn nhận được sự chấp nhận và đặt hàng của các nhà tiêu thụ.

5.4. Chi phí sản xuất và các định phí khác:

- Chi phí sản xuất:** Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí bằng việc kiểm soát quá trình sản xuất và tính giá thành qua từng công đoạn. Quy trình sản xuất của Công ty được thiết lập cụ thể, chặt chẽ và đồng bộ, bảo đảm thực hiện công việc đúng ở mọi khâu ngay từ ban đầu để ngăn ngừa phát sinh các sai sót, hư hỏng. Hàng tháng bộ phận Kế toán quản trị và giá thành lập báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất, báo cáo này được luân chuyển qua nhiều cấp khác nhau, từ Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính đến các Phó Tổng Giám Đốc và Tổng Giám Đốc. Qua đó, Công ty nhận thấy mức tiêu hao nguyên liệu trong quá khứ là còn cao, dù dây chuyền sản xuất của Công ty hầu hết đều còn mới và hiện đại. Chính vì vậy, Công ty đã thực hiện kế hoạch tái huấn luyện về giảm giá vốn hàng bán cũng như quản lý nguyên liệu thô cho toàn thể cán bộ quản lý sản xuất và công nhân từ đầu tháng 4 đến hết tháng 6 năm 2007. Do đó, trong tương lai gần, chi phí sản xuất của Công ty sẽ thấp hơn hiện nay rất nhiều và có tính cạnh tranh cao hơn nữa so với các doanh nghiệp cùng ngành.
- Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần:**

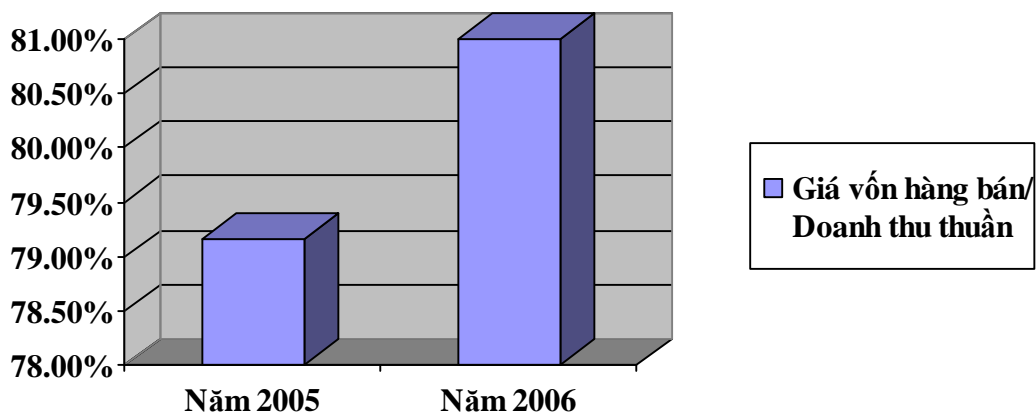
STT	Yếu tố chi phí	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007	
		Giá trị (triệu đồng)	%/doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	%/doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	%/doanh thu thuần
1	Giá vốn hàng bán	133.344	79,16%	263.347	81,00%	471.633	76,76%
2	Chi phí bán hàng	7.539	4,48%	6.857	2,11%	22.146	3,60%

STT	Yếu tố chi phí	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007	
		Giá trị (triệu đồng)	%/doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	%/doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	%/doanh thu thuần
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.302	9,08%	26.826	8,25%	48.865	7,95%
4	Chi phí lãi vay ngân hàng	7.359	4,37%	11.494	3,54%	31.449	5,12%
Tổng cộng		163.545	97.09%	308.526	94,90%	574.093	93,43%

- Sự biến động các khoản mục chi phí trong năm 2005 và 2006:

Giá vốn hàng bán:

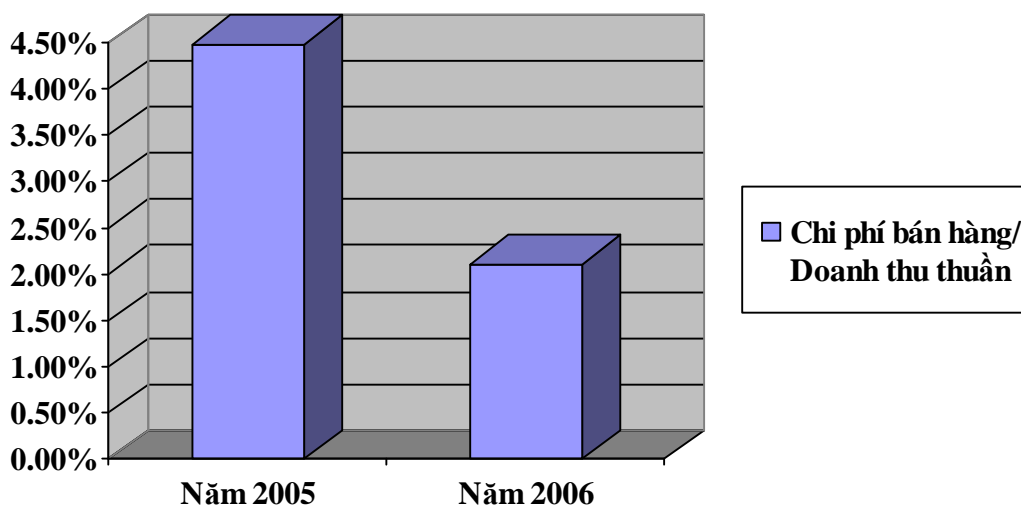
Giá vốn hàng bán trong năm 2006 tăng 1,84% so với năm 2005 do Công ty chủ trương tăng tỷ lệ nguyên liệu gỗ Teak là loại nguyên liệu cao cấp trong các sản phẩm của Công ty nhằm mục đích tăng giá trị sản phẩm, làm cho giá bán tăng kéo theo lãi gộp tăng. Lãi gộp năm 2006 đạt 61.754.921.137 đồng (tăng gần 76%) so với năm 2005.



Chi phí bán hàng:

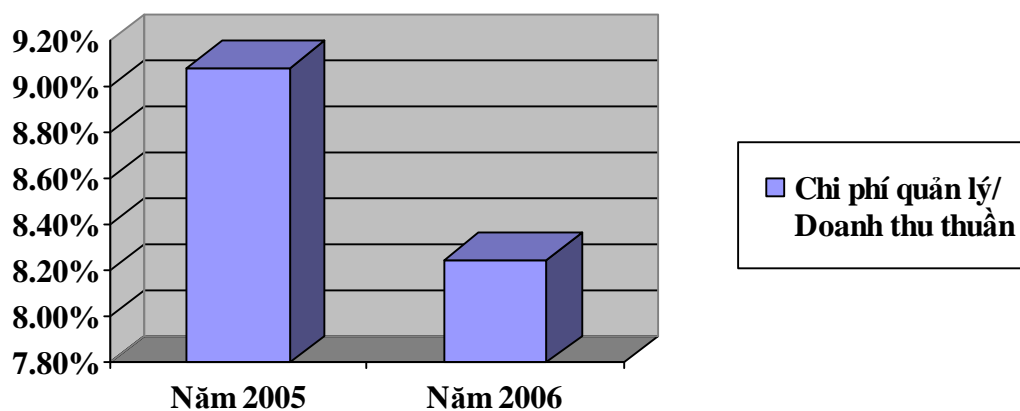
Chi phí bán hàng giảm từ 4,48% xuống còn 2,11%, do trong năm 2006 Công ty ít tham gia các Hội chợ quốc tế để tìm kiếm thêm khách hàng mới bởi vì các khách hàng truyền

thống của Công ty đã đặt hàng vượt công suất của nhà máy từ cuối năm 2005.



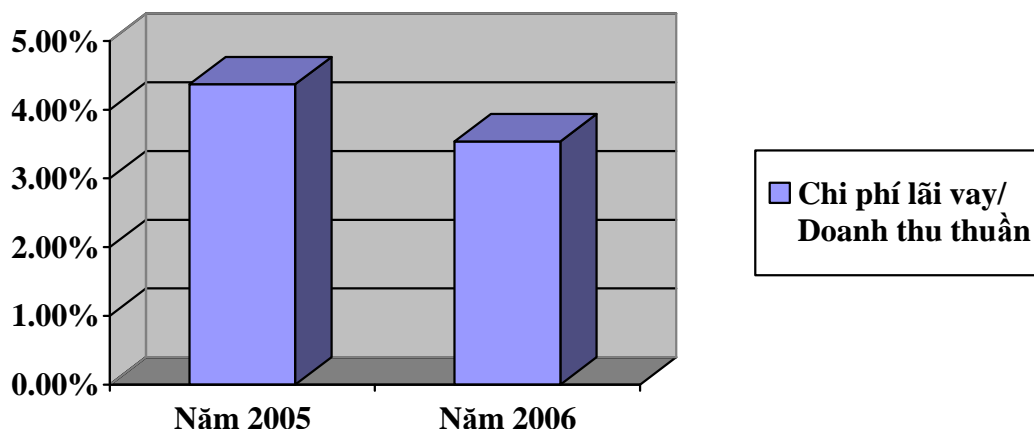
Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2006 tăng 11.524.474.646 đồng so với năm 2005 do Công ty tăng chi phí tiền lương cho CBCNV và thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực, thu hút thêm chất xám cho Công ty nhằm tăng cường bộ máy quản lý cho mô hình công ty mẹ - con. Tuy vậy, tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2006 giảm 0,83% xuống còn 8,25% so với năm 2005 do doanh thu tăng mạnh và việc tăng 11,5 tỷ chi phí quản lý doanh nghiệp là không đáng kể.



Chi phí lãi vay ngân hàng:

Trong năm 2006 chi phí lãi vay Ngân hàng của Công ty tăng hơn 4 tỷ đồng so với 2005 do nhu cầu vốn lưu động tăng mạnh để thực hiện sản xuất, cung cấp sản phẩm theo đơn đặt hàng của các khách hàng lớn. Tuy nhiên, tỷ lệ chi phí lãi vay so với doanh thu thuần năm 2006 giảm từ 4,37% xuống còn 3,54% (giảm) 0,83% do doanh số tăng.

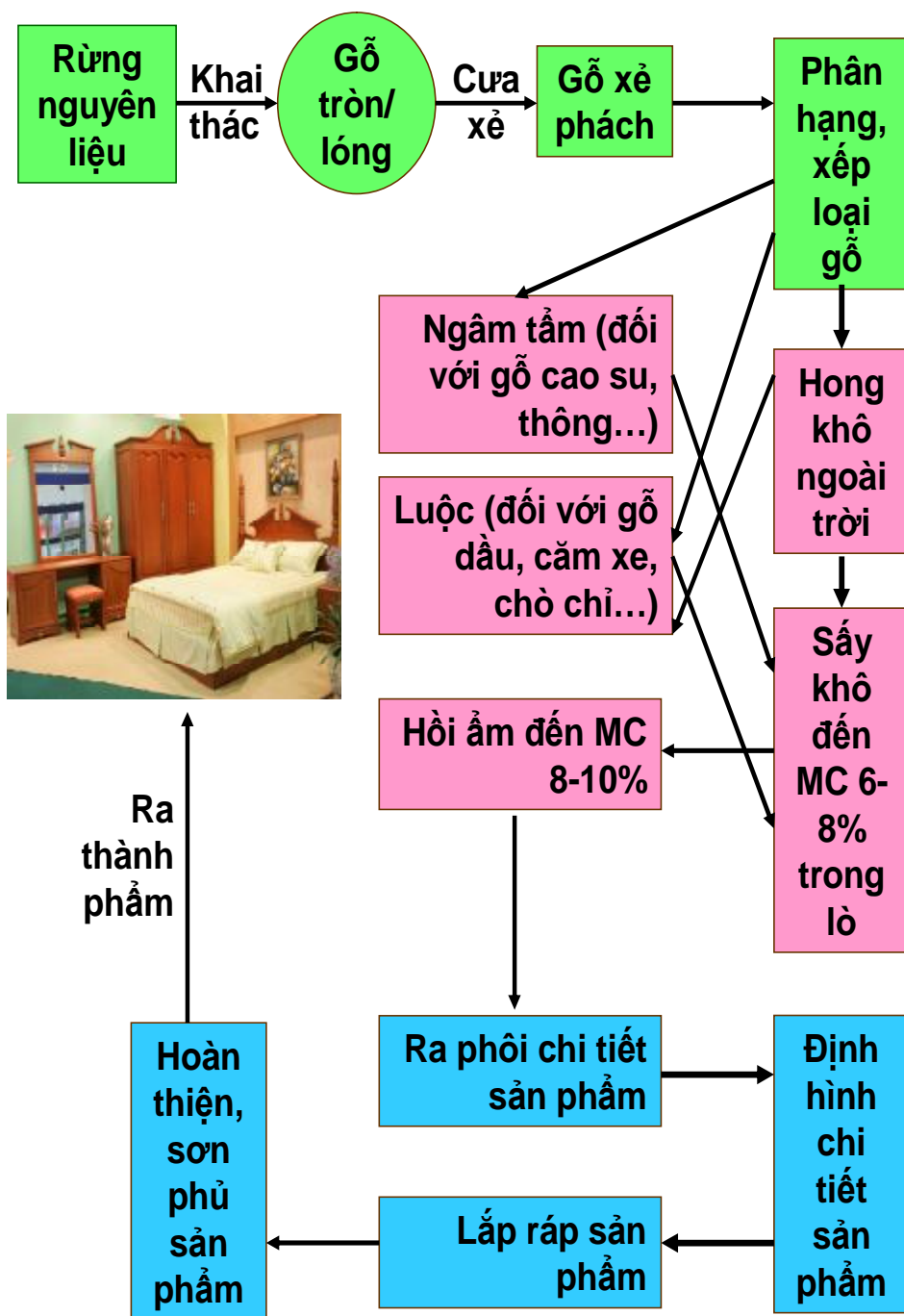


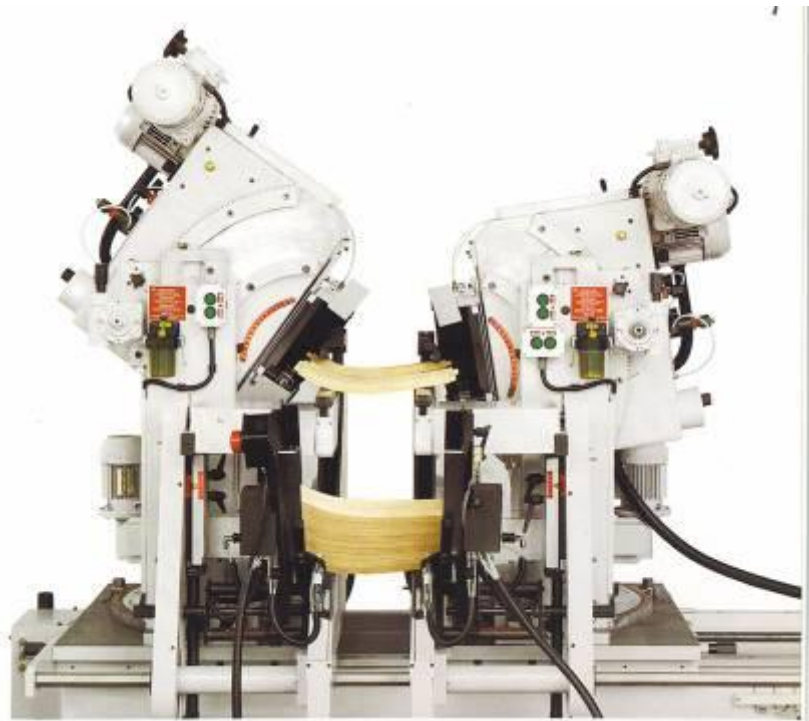
5.5. Trình độ công nghệ:

- Công ty áp dụng công nghệ Châu Âu vào các quy trình chế biến chính của mình như sấy gỗ, định hình, lắp ráp và hoàn thiện.
- Máy móc, thiết bị chủ yếu được nhập khẩu từ Ý, Đức, và Đài Loan (của các thương hiệu nổi tiếng trong ngành máy móc chế biến gỗ như Balestrini, Bacci, SCM, Big Toyo...). Hầu hết là loại bán tự động và tự động được điều khiển bằng máy tính.
- Hệ thống sơn tĩnh điện tự động (Automatic Elelectrostatics Spraying System) được trang bị trong Công ty và 04 Công ty con. Đây là hệ thống được kiểm soát bằng máy tính, có khả năng tiết kiệm 40% chi phí sơn so với phương pháp sơn Air-spraying, hạn chế tối đa việc thải bụi sơn ra không khí làm ảnh hưởng môi trường, mang đến chất lượng hoàn thiện cao cho sản phẩm. Đặc biệt, tại TTDL 1 còn có hệ thống sấy khô hàng sơn ngay trên băng chuyền (conveyer) nhằm rút ngắn thời gian khô sơn trong điều kiện khí hậu lạnh của vùng cao nguyên Dak Lak .

- Đối với 2 nhà máy mới (TTDL 2 và TTBD 2): được trang bị các máy JET CNC rất hiện đại thuộc dòng máy mới được sản xuất tại Châu Âu trong thế kỷ 21 và lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam năm 2006. Ngoài ra còn có các máy lạng profile CNC có thể tiết kiệm đến 20% nguyên liệu gỗ trong sản xuất so với công nghệ chế biến gỗ hiện nay của các nhà máy đồng ngành tại Việt Nam. Hai nhà máy này sẽ hoạt động trong năm 2007, sẽ mang đến lợi nhuận cao hơn cho Tập đoàn Trường Thành.
- Các cán bộ chủ chốt thường xuyên được đào tạo tại Đan Mạch, Ý, Đức, Nhật bản và Mỹ trong các năm 1999,2001,2003 và 2006. Hiện nay, họ đang giữ các vai trò quan trọng trong Công ty mẹ và các Công ty con. Ngoài ra, họ còn được Tổ chức Hỗ trợ Kỹ thuật Đức (GTZ) mời tham gia giảng dạy trong Trung tâm Đào tạo Chế biến gỗ do Tập đoàn Trường Thành thành lập với sự hỗ trợ của Bộ Ngoại giao Đức và sự tài trợ của GTZ
- Bên cạnh việc quan tâm đến công nghệ chế biến, Công ty còn chú trọng đến các tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn an toàn quốc tế như BS EN 581, các tiêu chuẩn JIS-JAS của Nhật bản, các tiêu chuẩn đóng gói của Mỹ. Và Công ty đạt tiêu chuẩn đóng mark CE và FSC lên trên sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho Trường Thành thâm nhập bất kỳ thị trường khó tính nào trên thế giới.
- Vào cuối năm 2007, Công ty sẽ nhập khẩu một dây chuyền xử lý bụi gỗ và dăm bào trở thành sản phẩm xuất khẩu với sự tài trợ 100% vốn mua bởi đơn vị bao tiêu sản phẩm của dây chuyền này. Điều này góp phần làm sạch hơn môi trường của nhà máy và tạo thêm nguồn lợi nhuận mới cho cổ đông.
- Riêng về công nghệ quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty, Trường Thành áp dụng công nghệ quản lý từ xa thông qua hệ thống 5 máy chủ IBM và 300 máy tính nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho lãnh đạo điều hành từ xa. Bên cạnh đó, hệ thống camera tự động được cài đặt tại nhiều vị trí quan trọng trong các nhà máy, giúp cho các cán bộ quản lý cấp cao kiểm soát được tình hình sản xuất mọi lúc mọi nơi, ngày cả khi đi công tác trong và ngoài nước.

- Quy trình sản xuất (chế biến sản phẩm gỗ):





*Máy làm mọng dương hình tròn & oval 2 đầu,
có hệ thống nạp liệu tự động, tốc độ 2400 mọng/giờ*



*Máy làm mọng âm hình tròn & oval, đa mũi,
Có hệ thống nạp liệu tự động, tốc độ 2400 mọng/giờ*



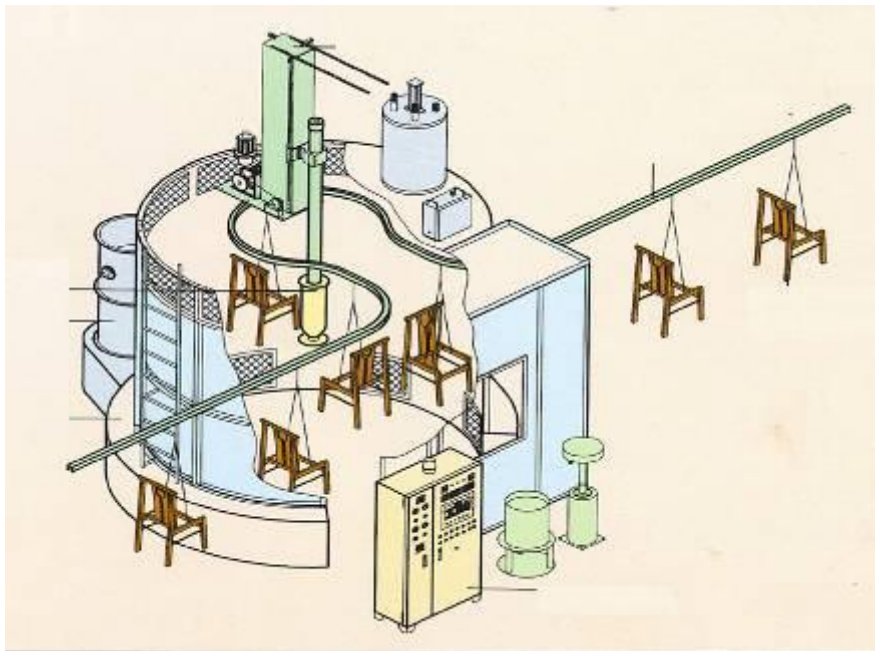
Máy JET: CNC làm mộng âm 3 chiều



Máy FC4: chép hình biên dạng 2 mặt chà nhám tự động



Máy hiệu chép hình quay tròn LH80



Hệ thống sơn tĩnh điện bằng đĩa tự động



Hệ thống sơn UV tự động dành cho ván sàn và panel, sơn 8 lớp và sấy khô chỉ trong vòng 10 phút



Máy định hình 4 mặt 6 trục



Máy chếp hình biên dạng tự động, nhiều lớp

Danh sách máy móc – thiết bị chế biến gỗ

STT	Tên gọi	Số lượng	Xuất xứ
1	Hệ thống ép veneer có profile, nguyên tắc chân không, tự động liên tục	1 hệ thống	Đức
2	Hệ thống Opticut, phân loại gỗ bằng quang học tự động	4 hệ thống	Đức
3	Máy đa năng CNC 5 chiều	6 cái	Ý
4	Máy lộng tự động CNC	1 cái	Ý
5	Máy làm mộng dương 2 đầu tự động nạp liệu	9 cái	Ý
6	Máy làm mộng âm 3 chiều	9 cái	Ý
7	Máy chép hình biên dạng 2 mặt chà nhám tự động	9 cái	Ý
8	Máy bào 4 mặt 6 trục cao tốc	14 cái	Đài Loan
9	Máy chà nhám thùng, khổ rộng	14 cái	Đài Loan
10	Máy chép hình quay tròn LH80 và LH100	5 cái	Đài Loan
11	Máy cắt phay định hình 2 đầu, tự động xuất liệu	12 cái	Đài Loan, Nhật Bản
12	Máy làm mộng dương một đầu	12 cái	Đài Loan
13	Máy làm mộng âm một đầu	12 cái	Đài Loan
14	Máy làm mộng âm 14 đầu	6 cái	Đài Loan
15	Hệ thống sơn tĩnh điện tự động bằng đĩa, dài 600m	7 hệ thống	Đài Loan
16	Hệ thống sơn tĩnh điện tự động bằng chuông	3 hệ thống	Đài Loan
17	Hệ thống sơn pallet line 2000m	1 hệ thống	Đài Loan
18	Hệ thống sơn UV, khổ rộng 1.3m, sơn 4 lớp trong vòng 5 phút là đóng gói	1 hệ thống	Đài Loan
19	Hệ thống hoàn thiện hàng ngoài trời bằng dầu	4 hệ thống	Tự thiết kế
20	Thác sơn 4m và 6m	50 cái	Tự thiết kế
21	Và các máy móc – thiết bị chế biến gỗ khác	Khoảng 400 cái	Ý, Đức, Đài Loan, Nhật Bản

5.6. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

- Trước đây, các nước phát triển như Mỹ và Châu Âu thường giành độc quyền việc phát minh hay thiết kế sản phẩm mới (mang đến nhiều lợi nhuận) về phần của họ, và chỉ đặt các nước Châu Á gia công cho họ mà thôi. Nhận thức tầm quan trọng của việc tạo ra giá trị gia tăng từ việc này, từ 7 năm trước, Công ty đã đầu tư nhiều vào việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, trong đó có cả việc thuê chuyên gia thiết kế người Đức và nhiều chuyến đi Châu Âu để khảo sát và học tập về thiết kế mẫu mã mới. Tuy nhiên, thành công chỉ đến với Công ty trong vòng 3 năm qua, và sẽ cho các năm tiếp theo sau này.
- Hiện nay, hơn 80% sản phẩm đã bán trong mùa hàng qua là do Công ty tự thiết kế bởi đội ngũ này cho ra đời hơn 200 mẫu, đáp ứng 8 tiêu chí thiết kế của Công ty: *sáng tạo, thẩm mỹ, tiện ích, thời trang, thương mại, phù hợp với công nghệ, phù hợp với nguyên liệu và đạt các tiêu chuẩn như BS, JIS... mà thị trường quốc tế đòi hỏi.*
- Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới là một trong những hoạt động trọng tâm của Công ty trong chiến lược cạnh tranh, tạo điểm khác biệt với các bạn đồng ngành khác: ***bán tiện ích chứ không bán sự gia công***, mỗi ngày đưa hàm lượng chất xám và kỹ thuật vào sản phẩm nhiều hơn, tạo ra giá trị gia tăng lớn hơn cho sản phẩm của Công ty.
- ***Hình ảnh một số sản phẩm mới do Công ty tự thiết kế:***



Mặt bàn gỗ kết hợp với đá granite



Xe đẩy rượu



Xích đu cổ điển



Ghế đôi nằm bãi biển, gỗ kết hợp với textilene



Gỗ kết hợp kính và đá granite



Gỗ kết hợp kính và textilene



Bộ giường ngủ Hoàng Gia



Bộ bàn ăn Đệ nhất

5.7. Kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Toàn bộ quy trình sản xuất khép kín từ khâu cưa xẻ, luộc, ngâm tẩm, sấy, phơi, định hình, lắp ráp, hoàn thiện đến khâu đóng gói được kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt từ người công nhân trực tiếp sản xuất (theo phương châm mỗi công nhân là một KCS) cho đến đội ngũ quản lý chất lượng (QC) và đội ngũ đảm bảo chất lượng (QA) của Công ty theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000
- Hệ thống theo dõi Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 được thiết lập và vận hành ở tất cả các nhà máy sản xuất chế biến gỗ của Công ty Trường Thành đã tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, thỏa mãn nhu cầu truy ngược nguồn gốc của khách hàng trên toàn cầu.
- Bên cạnh đó, Trường Thành cũng là một trong những doanh nghiệp tiên phong đầu tư mạnh mẽ cho công tác huấn luyện Chuyên viên Đánh giá chất lượng Nội bộ (Internal Auditor) của Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001: 2000. Do vậy, hiện tại Trường Thành đã có đội ngũ hùng hậu gồm 57 Chuyên viên đánh giá chất lượng nội bộ (Internal Auditor) chuyên nghiệp, được đào tạo bởi BVQI và SGS. Điều này đã giúp cho Công ty luôn được quản lý, vận hành, kiểm soát chặt chẽ, và thường xuyên cải tiến một cách hiệu quả. Đây cũng là nét nổi trội và là lợi thế cạnh tranh của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong việc đảm bảo chất lượng hệ thống, chất lượng sản phẩm cho thị trường toàn cầu.

5.8. Hoạt động Marketing:

5.8.1. Hoạt động nghiên cứu thị trường:

- Từ năm 2000, Công ty đã thành lập một phòng Marketing chuyên biệt để thực hiện các hoạt động như nghiên cứu về thị trường, nghiên cứu văn hóa kinh doanh – tập quán tiêu dùng – hành vi mua hàng, nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, nghiên cứu xu hướng sản phẩm. Với nhiều nỗ lực trong các công tác này, Công ty đã thành công trong việc thu hút

khách hàng. Và hiện nay, Công ty luôn có đơn hàng hằng năm lớn hơn năng lực sản xuất của mình khoảng 30%, và bán được hơn 80% là sản phẩm do Công ty tự thiết kế.

- Ngoài ra, thông qua việc nghiên cứu một cách kỹ lưỡng về luật chống phá giá của của Châu Âu và Châu Mỹ, Công ty đã có những chiến lược thích hợp làm tối thiểu hóa rủi ro cho doanh nghiệp ngay cả khi Việt Nam bị áp dụng thuế chống phá giá dù việc này rất khó có thể xảy ra trong tương lai gần.

5.8.2 Hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại, quản trị nhãn hiệu hàng hóa và quan hệ cộng đồng

- Trước đây nhiều năm, Công ty đã đầu tư khá nhiều cho hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại quốc tế với nhiều lần tham gia Hội chợ chuyên ngành đồ gỗ tại Mỹ, Nhật, Đức và Singapore. Song song đó, Công ty còn được đăng tải nhiều lần trên một số tờ báo lớn của nước ngoài như Furniture Today, Furniture & Furnishing, American Eastern Coast...và một số lần được giới thiệu trên truyền hình của Tây Ban Nha, Ý và Thụy Sĩ trong những lần nhận giải thưởng về chất lượng Châu Âu và chất lượng toàn cầu. Nhờ đó, các nhà mua hàng lớn trên thế giới đã lần lượt tìm đến Trường Thành và đặt những đơn hàng mỗi lúc càng lớn. Từ những thành quả đó, trong khoảng 2 năm gần đây, Công ty đã giảm đi đáng kể chi phí tiếp thị và bán hàng (cụ thể là giảm từ 4.48% trong năm 2005 xuống còn 2.11% trong năm 2006). Quan trọng hơn là Công ty có cơ hội nâng cao giá bán hàng trên thị trường quốc tế vào những năm tới đây.
- Đối với thị trường nội địa, Công ty vẫn duy trì việc tham gia Hội chợ trong nước như Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng cao, Lễ hội Mua sắm cuối năm, Việt Nam Expo...và tham gia các hoạt động quảng bá thương hiệu để xúc tiến thương mại đạt mục tiêu sản phẩm nội địa tăng đến 10% doanh số vào trước năm 2010.
- Thương hiệu và nhãn hiệu của Trường Thành đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam từ năm 2002.
- Đối với cộng đồng, Công ty và các công ty con đã tham gia nhiều hoạt động xã hội như :
 - + Xây dựng trường học tại huyện EaH'leo – Dak Lak
 - + Tài trợ vật chất hàng năm và tài trợ việc kéo điện về cho 3 buôn làng dân tộc thiểu số gồm buôn Ariêng, buôn Tùng Cú, buôn Tùng Thăng.

+ Hợp tác với trường đào tạo nghề thanh niên dân tộc của tỉnh Dak Lak trong việc giảng dạy và thu nhận toàn bộ học viên nghề chế biến gỗ vào làm việc trong các nhà máy của Tập đoàn Trường Thành.

+ Tặng quà hàng năm cho các cơ sở xã hội – TPHCM.



Một số hình ảnh về hoạt động xã hội – từ thiện của Công ty

5.8.3. Hệ thống phân phối:

- Đối với thị trường quốc tế, Công ty chọn kênh phân phối là các hệ thống siêu thị hàng đầu trên thế giới cũng như hàng đầu của từng quốc gia như Carrefour, Metro, Tesco, Cosco, Homebase... Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp cho các chuỗi cửa hàng nhỏ hơn nhưng có thương hiệu mạnh là và đòi hỏi sản phẩm chất lượng cao như Alexander Rose, Alinéa, Lapeyre, Hartman...
- Đối với thị trường trong nước, bước đầu Công ty đã thiết lập được mạng lưới gồm 6 Đại lý cấp 1 và 3 cửa hàng tự doanh tại Hải Phòng, Quảng Ngãi, Buôn Ma Thuộc, TpHCM,

Vũng Tàu và Long Xuyên. Kế hoạch của Công ty là phát triển lên 20 Đại lý cấp 1 trên toàn quốc trước năm 2010, với mục tiêu đạt doanh số tiêu thụ nội địa chiếm 10% tổng doanh thu sản phẩm của Công ty.

+ Hệ thống cửa hàng của Công ty:

TP.Hồ Chí Minh 517 – 519 Điện Biên Phủ, Q.Bình Thạnh
Tel: (08) 5126346/48 Fax: 5126347

TP.Hồ Chí Minh 207 Tô Hiến Thành, Quận 10

Bình Dương 20/25 đường 30/4, TX Thủ Dầu Một

Buôn Mê Thuột 218 Phan Chu Trinh
Tel: (031) 845274



+ Hệ thống Đại lý của Công ty:

Hà Nội 848 Đê La Thành, Giảng Võ

TP. Hải Phòng 87 Lạch Tray

TP. Đà Nẵng 114 Hải Phòng

Khánh Hòa 126A Hồng Bàng, TP. Nha Trang

Lâm Đồng 26B Phù Đổng Thiên Vương, TP. Đà Lạt

Bình Phước Ngã 4 Sóc Miên, đường Lê Quý Đôn, P. Tân Xuân, TX Đồng Xoài

Vũng Tàu 63 Lê Hồng Phong

An Giang 17 Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên

5.8.4 Chính sách giá

- Công ty luôn thực hiện chính sách giá phù hợp cho từng phân khúc thị trường, đặc biệt cho các thị trường mục tiêu
- Về chiến lược giá cho sản phẩm xuất khẩu, phần lớn giá bán của Công ty cao hơn so với các sản phẩm khác của công ty đồng ngành từ 5 – 10%. Tuy nhiên các sản phẩm của Trường Thành đáp ứng được chất lượng cũng như mẫu mã, tính tiện lợi và an toàn khi sử dụng của người tiêu dùng nên vẫn đảm bảo được sức cạnh tranh về giá sản phẩm. Dự kiến

trong năm 2008, Công ty sẽ đưa ra giá bán cao hơn các công ty đồng ngành lên đến 15% để sàng lọc bớt các khách hàng giá rẻ, nhằm mang lại nhiều lợi nhuận hơn cho Công ty.

- Đối với thị trường nội địa, mục đích mở rộng lên đến 20 Đại lý trên toàn quốc là làm tăng sản lượng cần sản xuất cho từng mẫu mã lên đến hơn 1000 cái/mã, làm giảm giá thành sản xuất, thực hiện chiến lược thâm nhập thị trường **BÁN LẺ VỚI GIÁ SỈ**.

5.8.5 Chính sách bán hàng

- Việc lệ thuộc vào một số ít khách hàng lớn như nhiều công ty đồng ngành đang làm sẽ mang đến nhiều rủi ro cho công ty khi khách hàng đó bị phá sản hoặc thay đổi nhà cung cấp hoặc áp dụng chính sách lợi thế nhờ quy mô để ép giá nhà sản xuất như IKEA, Wal-Mart..., nên từ nhiều năm trước Công ty đã ban hành chính sách bán hàng trong đó có quy định là *không bán quá 30% sản lượng cho mỗi khách hàng, dù rằng giá có tốt*.
- Ngoài ra, Công ty luôn nỗ lực phục vụ các khách hàng truyền thống có đơn hàng tốt vì ý thức được việc *giữ một khách hàng cũ tốt hơn tìm kiếm một khách hàng mới*.

5.9. Nhân hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ

Nhãn hiệu hàng hóa mà Công ty Cổ Phần Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành đang sử dụng được đăng ký bảo hộ từ năm 2002:



5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện và ký kết

Stt	Tên khách hàng	Nội dung	Giá trị Hợp đồng (USD)	Thời gian thực hiện
1	Carrefour	Sản phẩm nội - ngoại thất	7,542,332.15	18/8/2007 - 22/6/2008

Stt	Tên khách hàng	Nội dung	Giá trị Hợp đồng (USD)	Thời gian thực hiện
2	Home Retail Group	Sản phẩm ngoại thất	7,363,219.00	25/9/2007 – 20/5/2008
3	Hartman	Sản phẩm ngoại thất	6,018,869.35	10/12/2007 – 18/6/2008
4	Lapeyre	Sản phẩm nội thất	4,912,886.00	5/4/2007 - 31/3/2008
5	Alexander Rose	Sản phẩm ngoại thất	4,855,972.84	7/2/2007 - 31/1/2008
6	01 khách hàng Anh	Sản phẩm nội – ngoại thất	3,545,989.20	25/12/2007 – 25/4/2008
7	01 khách hàng Ý	Sản phẩm ván sàn	12,568,356.50	28/12/2007 – 28/10/2008
8	01 khách hàng Nhật	Sản phẩm ván sàn	2,121,856.00	22/3/2007 - 20/3/2008
9	TESCO	Sản phẩm ngoại thất	1,854,625.50	5/12/2007 – 30/4/2008
10	David Halsall	Sản phẩm ngoại thất	1,489,550.10	28/11/2007 – 10/5/2008

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 3 năm gần nhất của Công ty

6.1 Tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2005, 2006 (chưa tính các công ty con) và năm 2007 (đã hợp nhất với 2 công ty con)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	2006 so với 2005	Năm 2007
1	Tổng tài sản	157.269	331.295	+210,65%	1.409.617
2	Doanh thu thuần	168.441	325.102	+193,01%	614.413
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.710	15.514	+329,36%	56.228
4	Lợi nhuận khác	347	465	+133,95%	1.251
5	Lợi nhuận trước thuế	5.058	15.980	+315,92%	57.479
6	Lợi nhuận sau thuế	5.058	15.980	+315,92%	52.169

STT	Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	2006 so với 2005	Năm 2007
7	Lợi nhuận sau thuế của Công ty (sau khi trừ Lợi ích của cổ đông thiểu số)	5.058	15.980	+315,92%	50.282

Nguồn: Báo cáo đã kiểm toán năm 2005, năm 2006 và báo cáo hợp nhất năm 2007 của Công ty

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2006 của các Công ty con như sau:

a/ TTDL 1 (Theo Báo cáo kiểm toán 2006)

- Doanh số: 112.291.488.731 đồng
- Doanh số thuần: 111.682.498.367 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 6.755.044.413 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 5.142.122.508 đồng

b/ TTDL 2 (chỉ mới hoạt động trong tháng 12 năm 2006) (Theo Báo cáo kiểm toán 2006)

- Doanh số: 8.131.459.565 đồng
- Doanh số thuần: 8.131.459.565 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 125.765.657 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 125.765.657 đồng

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006

Trong năm 2006, Công ty đã được tài trợ vốn của các ngân hàng thương mại hơn gấp đôi năm 2005 nên Công ty đã mạnh dạn nhận thêm nhiều đơn hàng, khai thác tốt hơn công suất nhà máy. Chính vì vậy, các chỉ tiêu được tăng cao.

- **Lợi nhuận tăng do:**

+ Tăng cường bán dòng hàng cao cấp làm bằng gỗ Teak cho các khách hàng đòi hỏi chất lượng hoàn hảo nhưng chấp nhận giá cao.

+ Tăng cường bán thiết kế của Công ty, chủ động nguyên vật liệu hơn và tạo ra giá trị gia tăng cao hơn từ 5-15% tùy mẫu mã.

+ Mặc dù trong năm có tăng lương gấp 2 lần cho CBCNV, làm cho chi phí quản lý tăng cao nhưng do doanh số tăng gần gấp đôi nên tỷ lệ chi phí quản lý trong giá thành vẫn giảm.

+ Chi phí bán hàng giảm nhiều

• **Doanh thu tăng do:**

+ Tăng cường dòng hàng bằng gỗ Teak và ván sàn có giá trị cao

+ Khai thác tốt hơn công suất của máy móc thiết bị, làm ra năng suất vượt gần gấp đôi

+ Khách hàng truyền thống đặt hàng sớm hơn, tạo điều kiện cho Công ty chuẩn bị sản xuất tốt hơn

• **Tổng tài sản tăng do:**

+ Phần lớn khách hàng muốn xuất hàng bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Do đó ở cuối năm là giai đoạn tồn kho rất cao, dẫn đến tăng cao tài sản lưu động.

+ Do tăng sản lượng sản phẩm bằng gỗ Teak nên nguyên liệu đầu vào tồn kho cuối năm 2006 chuẩn bị sản xuất cho đầu năm 2007 có giá trị cao

+ Ngoài ra, để hạn chế việc tuột giảm chỉ số ROE khi Công ty tăng vốn mạnh vào giữa năm 2000, nên Công ty đã có kế hoạch tăng năng suất mạnh trong năm 2007, vì vậy Công ty đã đầu tư vào máy móc thiết bị và các công ty con gần 17 tỷ đồng trong cuối năm 2006, dẫn đến tăng tài sản cố định.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

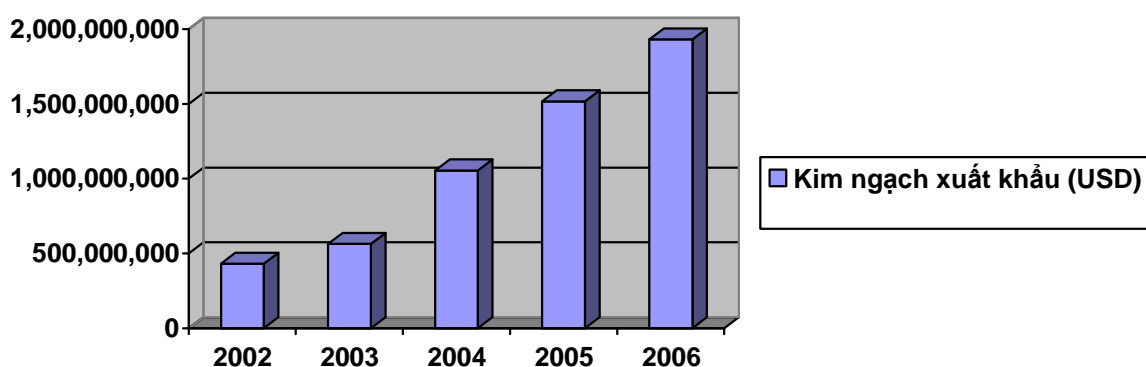
7.1 Triển vọng phát triển trong ngành:

- Ngành gỗ Việt Nam xuất khẩu mạnh vào thị trường thế giới. Theo số liệu thống kê tổng hợp của Bộ Thương mại, từ năm 2000 trị giá xuất khẩu là hơn 200 triệu USD, đến năm 2006 thì đạt xấp xỉ 2 tỷ USD. Như vậy trong 6 năm, giá trị xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam đã tăng gấp 10 lần. Theo đánh giá của các chuyên gia nước ngoài, Việt Nam hiện đang là một trong những quốc gia có thế mạnh về xuất khẩu sản phẩm đồ gỗ, và

đang có mức tăng trưởng đứng nhì thế giới. Đó là chưa kể việc chính phủ Trung Quốc áp dụng thuế xuất khẩu cho các sản phẩm gỗ từ 2007, tạo thêm thuận lợi mới cho ngành công nghiệp chế biến gỗ - xuất khẩu Việt Nam, nên triển vọng đạt mức tăng trưởng cao nhất thế giới trong những năm gần đây là có cơ sở.

- Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 5 năm qua:

2002: 431 triệu USD 2003: 563 triệu USD
 2004: 1054 triệu USD 2005: 1517 triệu USD 2006: 1930 triệu USD



Biểu đồ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam

- Từ năm 2002 cho đến nay kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam tăng mạnh với mức độ tăng trưởng bình quân hàng năm vào khoảng 40% và mức độ tăng trưởng này dự báo sẽ tiếp tục duy trì trong tương lai do nhu cầu về các sản phẩm từ gỗ của các nước trên thế giới là rất lớn.
- Một số thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ năm 2006 của Việt Nam

Thị trường	Năm 2006 (USD)	Năm 2005 (USD)	2006 so với 2005	
			(USD)	(%)
Mỹ	744.083.385	566.968.429	177.114.956	31,2%
Nhật Bản	286.799.143	240.873.378	45.925.765	19,1%
Anh	135.686.710	114.928.625	20.758.085	18,1%
Trung Quốc	94.067.697	60.341.237	33.726.460	55,9%
Pháp	83.854.795	74.202.159	9.652.636	13,0%

Thị trường	Năm 2006 (USD)	Năm 2005 (USD)	2006 so với 2005	
			(USD)	(%)
Đức	69.973.469	75.311.341	-5.337.872	-7,1%
Hàn Quốc	65.718.820	49.678.170	16.040.650	32,3%
Úc	54.473.083	41.865.008	12.608.075	30,1%
Đài Loan	50.306.111	40.627.003	9.679.108	23,8%
Hà Lan	45.660.037	45.443.004	217.033	0,5%
Canada	33.474.367	17.597.598	15.876.769	90,2%
Bỉ	29.184.297	24.905.053	4.279.244	17,2%
Tây Ban Nha	28.012.019	33.732.510	-5.720.491	-17,0%
Italia	23.269.791	21.902.078	1.367.713	6,2%
Đan Mạch	19.401.660	16.324.924	3.076.736	18,8%
Thụy Điển	18.801.771	15.296.538	3.505.233	22,9%
Ai Len	16.690.938	8.502.528	8.188.410	96,3%
New Zealand	15.514.146	14.047.949	1.466.197	10,4%
Malaysia	15.135.527	11.329.180	3.806.347	33,6%
Phần Lan	10.981.520	7.866.224	3.115.296	39,6%
Singapore	9.593.423	12.290.182	-2.696.759	-21,9%
Hy Lạp	7.900.143	8.271.744	-371.601	-4,5%
Hồng Kông	7.259.855	8.644.521	-1.384.666	-16,0%
Na Uy	5.314.250	3.436.482	1.877.768	54,6%
Nam Phi	4.415.107	3.763.055	652.052	17,3%
Ba Lan	4.410.706	4.387.943	22.763	0,5%
Thái Lan	4.215.946	3.178.652	1.037.294	32,6%
UEA	3.761.368	4.482.646	-721.278	-16,1%
Ả rập xê út	3.391.509	1.646.270	1.745.239	106,0%
Thổ Nhĩ Kỳ	3.224.753	2.444.307	780.446	31,9%

Thị trường	Năm 2006 (USD)	Năm 2005 (USD)	2006 so với 2005	
			(USD)	(%)
Bồ Đào Nha	2.362.861	1.700.179	662.682	39,0%
Thụy Sĩ	1.996.481	1.705.317	291.164	17,1%
Hungary	1.858.589	782.006	1.076.583	137,7%
Nga	1.424.086	734.801	689.285	93,8%
CH Séc	1.340.619	1.414.427	-73.808	-5,2%
Ấn Độ	1.274.078	682.597	591.481	86,7%
Campuchia	1.262.497	1.206.675	55.822	4,6%
Ucraina	1.252.971	1.024.825	228.146	22,3%
Indonesia	1.038.715	597.747	440.968	73,8%
Áo	843.458	2.003.015	-1.159.557	-57,9%
Philippin	400.447	347.156	53.291	15,4%

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

7.2 Vị thế của Công ty trong ngành sản xuất, chế biến gỗ xuất khẩu

- Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, đến nay có khoảng 2.000 doanh nghiệp và cơ sở sản xuất chế biến gỗ trong đó có hơn 240 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hơn 400 doanh nghiệp Việt Nam tham gia xuất khẩu. Tuy nhiên, ngoài các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã nêu, thì chỉ có khoảng 30 doanh nghiệp Việt Nam là có năng lực tiếp thị quốc tế và bán hàng trực tiếp đến các chuỗi bán lẻ trên thế giới mà không phải thông qua những công ty thương mại trung gian của nước ngoài. Và Trường Thành là một trong 30 công ty này.
- Kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ năm 2006 đạt hơn 1,93 tỷ USD (tăng 27.22% so với năm 2005) đưa ngành gỗ vượt lên đứng thứ 4 khu vực Đông Nam Á (sau Malaysia, Indonesia, Thái Lan). Tính đến thời điểm hiện nay, các mặt hàng đồ gỗ Việt Nam đã có mặt ở 120 nước, trong đó có thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản chiếm hơn 70%. Hiện

nhu cầu sử dụng đồ gỗ trên thế giới được đánh giá vẫn tăng cao, trong khi thị trường đồ gỗ Việt Nam mới đạt khoảng 0,78% tổng thị phần đồ gỗ thế giới. Do đó, tiềm năng thị trường xuất khẩu sản phẩm gỗ cho Việt Nam là rất lớn.

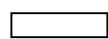
- Trong bối cảnh trên, **dù chỉ tính riêng kim ngạch của Công ty (tức công ty mẹ của Tập đoàn Trường Thành, hay còn gọi là TTBD1) thì Công ty cũng đã đứng hàng thứ 2 trong các doanh nghiệp vốn Việt Nam, và đứng hàng thứ 12 nếu tính gộp chung với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo bảng sau:**

Danh sách 17 Công ty đạt kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ cao nhất năm 2006

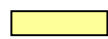
Tên Công ty	Kim ngạch XK (USD)
1. Cty TNHH Scancom	41.637.887
2. Cty TNHH Green River Wood & Lumber	40.801.246
3. Cty TNHH Theodore Alexander	34.591.588
4. Cty TNHH Poh Huat	34.561.159
5. Cty TNHH San Lim Furniture	34.126.261
6. Cty TNHH Latitude Tree	29.844.014
7. Cty TNHH Công nghiệp Gỗ Kaiser	28.807.267
8. Cty TNHH Great Veca	26.148.977
9. Cty TNHH Koda International	25.826.033
10. Cty Cổ phần Cẩm Hà	25.223.374
11. Cty TNHH Standart Furniture	21.023.016
12. Cty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành	20.137.930
13. Cty TNHH RK Resources	19.656.991
14. Cty LD SX Nguyên liệu Giấy Việt - Nhật	19.131.500
15. Cty TNHH Johnson Wood	18.620.162
16. DNTN Duyên Hải	18.581.584
17. Cty TNHH FuTa	18.373.433

Nguồn: Thông tin Thương Mại của Bộ Thương Mại

* Ghi chú:



Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài



Các doanh nghiệp có vốn Việt Nam



Chỉ tính Công ty, chưa bao gồm các công ty khác trong Tập đoàn Trường Thành trước đây

Và theo số liệu mới nhất của Bộ Thương Mại thì doanh số xuất khẩu của Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành cùng với 2 công ty con đã hợp nhất là TTDL1 và TTDL2 đã đạt

hơn 25 triệu USD trong 9 tháng đầu năm, vươn lên vị trí hàng đầu đối với doanh nghiệp cùng ngành trong nước và nằm trong TOP FIVE kể cả doanh nghiệp FDI (đầu tư của nước ngoài) sau Poh Huat, Latitude Tree, Great Veca, Theodore Alexander và Shing Mark Vina

- Đối với thị trường nội địa, do Công ty trước đây tập trung hoàn toàn vào xuất khẩu và chưa bắt đầu thâm nhập từ giữa năm 2005, nên vị thế thương hiệu tại Việt Nam là chưa cao. Theo cuộc khảo sát do Công ty tự làm đối với người tiêu dùng trong nước, thương hiệu Trường Thành hiện đang đứng thứ 6 sau các thương hiệu như: *Siêu thị nội thất Đài Loan, Hoàng Anh, Nhà Xanh, Nhà Đẹp và Phố Xanh*.

8. Chính sách đối với người lao động:

8.1 Số lượng người lao động trong Công ty (chỉ tính riêng công ty mẹ, tức TTBD1)

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2006 là **2167 người**, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ học vấn	Ban Giám đốc	Lực lượng gián tiếp	Lực lượng trực tiếp	Tổng cộng
Tiến sĩ	1			1
Thạc sĩ	4	7		11
Cử nhân/ Đại học	5	336	6	347
Cao đẳng, Trung cấp		5	245	250
Từ lớp 10 - lớp 12			1,018	1,018
Dưới lớp 10			540	540
Tổng cộng	10	348	1,809	2,167

Ban Giám Đốc:

Bao gồm TGD, PTGD và các Giám đốc khối

Lực lượng gián tiếp:

Bao gồm Cán bộ quản lý sản xuất; Nhân viên QC, QA, CoC, thống kê; Các kỹ thuật viên chính trong xưởng; Cán bộ và nhân viên văn phòng

Lực lượng trực tiếp:

Công nhân

8.2 Chính sách đối với người lao động:

8.2.1 Chế độ làm việc:

- Công ty thực hiện chế độ 44 giờ/tuần đối với lực lượng gián tiếp.
- Căn cứ trên nhu cầu công việc thực tế và để hạn chế vấn đề tăng ca, tạo điều kiện cho công nhân được học tập nghỉ ngơi, công nhân sản xuất chia thành 2 ca (sáng và tối).
- Nếu tiến độ công việc gấp cần phải tăng ca, Công ty thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể quy định bởi Luật lao động Việt Nam. Thỏa ước này đã được đăng ký và được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền.
- Nhân viên theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ: Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ (dưới 12 tháng). Nhân viên nữ làm việc chân tay sẽ được giảm bớt 1 giờ làm việc/ngày bắt đầu khi mang thai tháng thứ 7 đến khi đưa trẻ được 12 tháng.
- Nhân viên được nghỉ 1 ngày/tuần. Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên trong công ty, cứ mỗi 5 năm làm việc được nghỉ thêm 1 ngày.

8.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

8.2.2.1 Tuyển dụng

- Đảm bảo rằng chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước, của SA 8000 (Social Accountability – Trách nhiệm Xã hội) và ILO (International Labor Organization – Tổ chức Lao động Quốc tế)
- Ưu tiên tuyển dụng những người trẻ và thông minh, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Công ty, cũng như tăng cường cho các công ty con.
- Thu hút những người có kinh nghiệm trong ngành, nhiệt tình, có trách nhiệm, ham học hỏi, biết sáng tạo. Ưu tiên những người có khả năng phân tích tổng hợp, xử lý tình huống và quản trị công việc tốt.

- Đối với một số vị trí cấp cao như Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và các Giám đốc khác, Công ty ưu tiên tuyển dụng những người có học vị Thạc sĩ trở lên và được đào tạo từ các nước tiên tiến cũng có kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng huấn luyện và trình độ chuyên môn thích hợp.
- Đối với công nhân, ưu tiên người đến từ địa phương có nền công nghiệp ít phát triển để đào tạo thành công nhân kỹ thuật lành nghề và đầu tư vào nhà ở đầy đủ tiện nghi cho công nhân. Điều này góp phần ổn định lực lượng công nhân đông đảo của Công ty.

8.2.2.2 Đào tạo và huấn luyện

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo tại Công ty với tần suất 25 – 30 ngày mỗi năm. Đây là 1 tần suất rất cao, kể cả so với các công ty đa quốc gia. Điều này góp phần làm cho hệ thống quản trị của Công ty luôn theo kịp thế giới kinh doanh quốc tế ngày càng phát triển.
- Các khóa đào tạo – huấn luyện xoay quanh các chủ đề sau:
 - + Kỹ năng lãnh đạo
 - + Kỹ năng quản lý
 - + Kỹ năng văn phòng
 - + Các kiến thức chuyên môn của từng phòng, ban chức năng
 - + Kỹ thuật chế biến sản phẩm gỗ
 - + Kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị
 - + Quản lý chất lượng đối với hệ thống và đối với sản phẩm
 - + Kiến thức về CoC (Truy ngược nguồn gốc sản phẩm)
 - + PCCC, An toàn lao động, An toàn khi sử dụng hoá chất
 - + ISO 9001:2000, SA 8000
 - + Quản trị giá vốn hàng bán
- Tài trợ cho một số cán bộ, nhân viên đi học trong nước và ở nước ngoài về các lĩnh vực như thiết kế, hoàn thiện sản phẩm gỗ, quản lý nguyên liệu thô, quản lý kho bãi, tổ chức hậu cần, kế toán doanh nghiệp...

- Để khắc phục tình trạng thiếu nhân lực cho ngành chế biến gỗ, Tập đoàn Trường Thành đã được GTZ tài trợ 54% chi phí thành lập trung tâm đào tạo tại nhà máy TTDL 1 (Công ty cổ phần Trường Thành – Dak Lak) với tổng vốn đầu tư là 7 tỷ đồng. Trung tâm này đã bắt đầu hoạt động từ cuối tháng 4/2007, với sự tham gia giảng dạy của 3 giảng viên đến từ Đức (do Bộ Ngoại giao Đức chi trả) và 7 giảng viên đến từ Tập đoàn Trường Thành.



Huấn luyện cán bộ - nhân viên văn phòng



Huấn luyện quản lý sản xuất



Huấn luyện về thiết kế đồ gỗ do giảng viên Đức dạy tại Trung tâm Đào tạo



Huấn luyện về kỹ thuật chế biến sản phẩm gỗ do giảng viên Đức dạy tại Trung tâm Đào tạo

8.2.2.3 Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Ý thức rằng nhân lực là một nguồn tài sản lớn của doanh nghiệp, Công ty đã rất chú trọng vào các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, cơ hội thăng tiến và văn hóa công ty để nhằm giữ và trọng dụng nhân tài.

- **Chính sách lương:**

- + Luôn duy trì mức lương cao so với các công ty đồng ngành, và thưởng cao hơn nhiều so với quy định của Nhà nước.

- + 6 tháng xét tăng lương 1 lần, dựa trên năng lực, sự tiến bộ và thành quả đóng góp của từng cá nhân.

- **Chính sách thưởng:**

- + 3 tháng xét thưởng 1 lần theo Quy chế khen thưởng của Công ty, được bình bầu công khai hoặc thi tay nghề

- + Áp dụng ESOP (Employee Stock Ownership Plan – Kế hoạch cho người lao động sở hữu Cổ phần) từ năm 2007, tạo cơ hội làm chủ cho toàn thể CBCNV của Công ty.

- + Áp dụng khen thưởng đột xuất cho các cá nhân/tập thể hoàn thành nhiệm vụ ở mức sáng tạo cao hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật – quản lý... để làm tăng cao hiệu suất trong công việc.

- + Áp dụng khen thưởng khi cá nhân/tập thể đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu quan trọng do BGD đề ra.



Khen thưởng đội ngũ quản lý chất lượng



Khen thưởng công nhân



Khen thưởng các cuộc thi văn nghệ cuối năm



Khen thưởng NV-CB gián tiếp

- **Phúc lợi:**

- + Nộp đầy đủ các loại bảo hiểm xã hội và y tế cho CBCNV theo Quy định của Nhà nước
- + Nộp bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBCNV
- + Bố trí xe đưa rước cho CBCNV ở xa công ty.
- + Thành lập Công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động
- + Tổ chức vui chơi giải trí cho toàn thể CBCNV như hội thao, văn nghệ, thi nấu ăn, thi cắm hoa, thi đố vui... có thưởng trong các dịp lễ quốc gia và lễ của Công ty.
- + Tổ chức đi du lịch xa cho toàn thể CBCNV ít nhất 1 lần/năm
- + Trong năm 2007 sẽ đầu tư gần 10 tỷ đồng để xây dựng nhà ở cho CBCNV tại Bình Dương và Dak Lak
- + Và một số trợ cấp, phúc lợi khác theo Luật Lao động Việt Nam và Quy chế Nhân viên của Công ty.



Tổ chức thi hát karaoke



Tổ chức thi đồ vui "Từ rừng xuống phố"



Tổ chức cho CBCNV đi du lịch



Tổ chức thi Thời trang



Tổ chức thi Múa



*Tài trợ cho Đội bóng Mỹ đầu tiên đến Việt Nam
thi đấu giao lưu*



*Giao lưu - Tuyển dụng
tại ĐH Nông Lâm*

8.2.2.4 Văn hóa Công ty:

Nhằm gắn bó hàng ngàn CBCNV lại với nhau, Công ty đã xây dựng và phát triển một văn hóa doanh nghiệp đặc trưng của mình, làm cho mọi người *đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau*, tránh phân biệt đối xử và cùng chung hưởng niềm tự hào là thành viên của Tập đoàn Trường Thành. Một số điển hình của văn hóa Trường Thành là:

- Phát triển văn hóa phản biện trong các cuộc họp, hội thảo và huấn luyện;
- Áp dụng chính sách Open Door đối với mọi cấp quản lý trong Công ty;
- Khuyến khích xây dựng nhóm và tạo điều kiện để nhóm làm việc hiệu quả;
- Thừa nhận, tôn trọng và khen thưởng thành quả, sáng kiến của cấp dưới;
- Cấp trên luôn nhiệt tình đào tạo và hướng dẫn cấp dưới;
- Bài hát truyền thống của Công ty: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ của Nhạc sỹ Nguyễn Đức Quang. Hiện đang tổ chức sáng tác Hùng ca và Vui ca cho Công ty
- Slogan của Công ty:

Tỏa Sáng Mọi Không Gian

- Cờ truyền thống của Công ty:



- Lễ phục và Đồng phục của Công ty, đồng phục của từng phòng ban;



Lễ phục của Công ty



Đồng phục nữ tại các hội chợ, triển lãm



Đồng phục nữ



Đồng phục nam



*Đồng phục của công nhân (xanh)
và của QC (đỏ)*



*Đồng phục cho các hoạt động xã hội, vui chơi,
giải trí của Công ty*

9. Chính sách cổ tức:

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và được Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi doanh nghiệp có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp luật;
- Cổ đông được chia cổ tức theo số cổ phần nắm giữ;
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới;
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu Hội đồng Quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng, nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến.

10. Tình hình hoạt động tài chính:

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

10.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với quy định của Nhà nước và thời gian khấu hao cho một số nhóm tài sản như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc: 05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị: 05 – 08 năm
- Phương tiện vận chuyển: 06 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 03 – 08 năm

10.1.2. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty năm 2006 là: **2.586.689** đồng/người/tháng.

10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân theo các quy định của Nhà nước.

10.1.5. Trích lập các quỹ

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo các quy định áp dụng loại hình Công ty cổ phần và theo Điều lệ của Công ty. Cụ thể từ năm 2007 sẽ theo như sau:

- Quỹ đầu tư và phát triển: được trích lập 10% - 20% từ lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tài chính: trích lập 5% từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ trích nộp cho đến khi quỹ dự phòng tài chính bằng 10% vốn điều lệ của Công ty;
- Quỹ khen thưởng – phúc lợi: được trích lập 5% - 15% từ lợi nhuận sau thuế.

Tuy nhiên, việc trích lập các quỹ của Công ty sẽ do Đại Hội đồng cổ đông quyết định vào các kỳ Đại Hội cổ đông thường niên hàng năm theo đề nghị của Hội đồng Quản trị Công ty.

Tình hình trích lập các quỹ trong thời gian trước đây như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	-	111.000.000	200.377.113
Quỹ khen thưởng phúc lợi	492.458.818	-	233.208.774
Tổng cộng	492.458.818	111.000.000	433.585.887

10.1.6. Tổng dư nợ vay ngân hàng

Tính đến thời điểm 31/12/2005 (theo Báo cáo đã kiểm toán):

Dư vay ngắn hạn: 107.724.776.536 đồng

Dư vay dài hạn: 3.680.000.000 đồng

Tính đến thời điểm 31/12/2006 (theo Báo cáo đã kiểm toán):

Dư vay ngắn hạn: 203.389.018.435 đồng

Dư vay dài hạn: 0 đồng

Tính đến thời điểm 31/12/2007 (theo Báo cáo Quản trị Hợp nhất của Công ty):

Dư vay ngắn hạn: 560.473.470.102 đồng

Dư vay dài hạn: 39.200.943.172 đồng

10.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu:

ĐVT: ngàn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2005		31/12/2006		31/12/2007	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu từ khách hàng	24.723.375	2.619.584	18.797.451	0	114.355.936	0
Trả trước người bán	3.084.933	0	3.702.810	0	2.884.342	0
Thuế GTGT khấu trừ	0	0	5.564.414	0	15.860.748	0
Phải thu khác	10.930.280	0	9.568.146	0	13.374.071	0
Tổng cộng	38.738.588	2.619.584	37.632.821	0	146.475.097	0

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 và báo cáo quản trị hợp nhất năm 2007 của Công ty

Các khoản phải trả:

ĐVT: ngàn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2005		31/12/2006		31/12/2007	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn						
Vay và nợ ngắn hạn	107.724.776	0	203.389.018	0	560.473.470	0
Phải trả người bán	25.117.916	0	42.052.771	0	90.268.842	0
Người mua trả trước	2.784.891	0	15.901.545	0	15.858.126	0
Các khoản thuế phải nộp	757.855	0	292.273	0	5.612.776	0
Phải trả CNV	2.927.136	0	4.592.598	0	11.338.218	0
Phải trả khác	3.236.513	0	4.069.025	0	2.266.553	0
Nợ dài hạn						
Vay và nợ dài hạn	3.680.000	0	0	0	39.200.943	0
Dự phòng trợ cấp mất việc	0	0	111.000	0	200.377	0
Nợ khác	0	0	0	0	0	0
Tổng	146.229.087	0	270.408.230	0	725.219.311	0

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 và báo cáo quản trị hợp nhất năm 2007 của Công ty

10.2. Các chỉ số tài chính chủ yếu


Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
*Hệ số thanh toán ngắn hạn: $TSLĐ/Nợ\ ngắn\ hạn$	0,95	1,10	1,51
*Hệ số thanh toán nhanh: $(TSLĐ-Tồn\ kho)/Nợ\ ngắn\ hạn$	0,32	0,24	0,39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
*Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,93	0,82	0,51
*Hệ số Nợ/VCSH	13,37	4,44	1,03
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
*Vòng quay tổng tài sản: $doanh\ thu\ thuần/ tổng\ tài\ sản$	1,07	0,98	0,44
*Vòng quay tài sản cố định: $doanh\ thu\ thuần/ TSCĐ$	9,69	16,79	1,63
*Vòng quay vốn lưu động: $doanh\ thu\ thuần/ TSLĐ$	1,24	1,05	0,59
*Vòng quay các khoản phải thu: $doanh\ thu\ thuần/ các\ khoản\ phải\ thu$	3,92	10,14	4,70
*Vòng quay các khoản phải trả: $doanh\ thu\ thuần/ các\ khoản\ phải\ trả$	1,15	1,20	0,84
*Vòng quay hàng tồn kho: $giá\ vốn\ hàng\ bán/hàng\ tồn\ kho$	1,48	1,14	0,61
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
*Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (%)	3,00	4,92	8,49
*Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (%)	3,22	4,82	5,12
*Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (%)	48,41**	57,76**	17,78**
*Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần (%)	2,80	4,77	9,15
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG: 10.000 đồng/CP)			
* Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng)	2.029	4.629	5.116
* Giá trị sổ sách của mỗi cổ phần (đồng)	4.909	27.321	44.209

(**) Do Vốn chủ sở tăng nhiều đợt trong năm nên Vốn chủ sở hữu được tính bình quân gia quyền. Riêng có 1 đợt nhận vốn từ Quỹ Aureos là vào ngày 31/12/2006 nên không tính vào Vốn chủ sở hữu cho chỉ số ROE này trong năm 2006. Tương tự khi tính Thu nhập trên mỗi cổ phần.

11. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

11.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- | | | |
|--------------------------|---|--|
| - Họ và tên: | Võ Trường Thành |  |
| - Giới tính: | Nam | |
| - Ngày tháng năm sinh: | 16/6/1958 | |
| - Nơi sinh: | Bình Định | |
| - Quốc tịch: | Việt Nam | |
| - Dân tộc: | Kinh | |
| - Quê quán: | Bình Định | |
| - Địa chỉ thường trú: | 1436 D Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8, TPHCM | |
| - ĐT liên lạc ở cơ quan: | 84-650-710992 | |
| - Trình độ văn hóa: | Thạc sỹ | |
| - Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
trường AMOST-TUCK (DARKMOUTH UNIVERSITY),
Hoa Kỳ | |
| - Quá trình công tác: | | |
| + Từ 1978 đến 1980: | Giáo viên Phổ thông Trung học | |
| + Từ 1980 đến 1990: | Cán bộ thanh niên xung phong TP.HCM | |
| + Từ 1990 đến 1991: | Cán bộ công ty SAVIMEX TP.HCM | |
| + Từ 1991 đến 1993: | Cán bộ công ty XNK SUNIMEX TP.HCM | |
| + Từ 1993 đến 2000: | Chủ Doanh nghiệp kiêm Giám đốc XN Tư doanh Chế biến gỗ
Trường Thành | |
| + Từ 2000 đến 2003: | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Kỹ nghệ
Gỗ Trường Thành | |
| + Từ 2003 đến nay: | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ
Trường Thành | |

- Chức vụ hiện tại:
 - + Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTBD 1) (công ty mẹ của Tập đoàn Trường Thành)
 - + Chủ tịch HĐQT của TTDL 1, TTDL 2, và TTBD 2
 - + Ủy viên Ban Chấp hành Hội lâm sản Việt Nam
 - + Ủy viên Thường trực Mạng lưới Kinh doanh Lâm sản Việt Nam (VFTN), thuộc WWF
- Số cổ phần nắm giữ: 2.250.544 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Võ Vĩnh Thụy	Cha ruột	0
2	Phan Thị Sáu	Mẹ ruột	0
3	Võ Thị Thanh Hoa	Chị ruột	0
4	Võ Thị Sen	Chị ruột	0
5	Võ Thị Năng	Chị ruột	32.000
6	Võ Trường Tài	Anh ruột	0
7	Võ Thị Tiếp	Em ruột	0
8	Võ Thị Kim Loan	Em ruột	0
9	Diệp Thị Thu	Vợ	1.683.328
10	Võ Diệp Văn Tuấn	Con ruột	87.500
11	Võ Diệp Cẩm Tú	Con ruột	50.000
12	Võ Diệp Cẩm Vân	Con ruột	40.000

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

b) Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Liam Pius Cully**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/6/1959
- Nơi sinh: Dublin, Ireland
- Quốc tịch: Irish
- Dân tộc: Châu Âu



- Quốc quán: Ireland
- Địa chỉ thường trú: 331 San Bartolome, Ayala Alabang Village
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 632 6377 4000
- Trình độ văn hóa: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Viện Kế toán Ireland
- Quá trình công tác:
- + Từ 1996 đến 2003: Giám đốc đầu tư
Port Moresby, Papua New Guinea, Pacific Islands
- + Từ 2003 đến 2004: Cộng sự Điều hành Khu vực Đông Nam Á
Aureos Advisers tại Thái Lan
- + Từ 2004 - nay Cộng sự điều hành Khu vực Đông Nam Á
Aureos Philippine Advisers tại Philippine
- Chức vụ hiện tại: Cộng sự điều hành Khu vực Đông Nam Á
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 1.087.229 cổ phần (là đại diện của Quỹ Aureos)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

c) Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Tạ Văn Nam**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/10/1951
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quốc quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: Nhân Cơ – ĐakR’lấp - ĐakNông
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 84-650-740690 (Ext 104)
- Trình độ văn hóa: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm Hóa - Lý
- Quá trình công tác:



- + Từ năm 2000 – 2003: Phó Giám đốc
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- + Từ năm 2003 – nay: Phó Tổng Giám đốc
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
Chủ tịch HĐQT của TTTD
- Số cổ phần nắm giữ: 240.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Võ Thị Năng	Vợ	32.000
2	Tạ Thị Hoa	Chị ruột	0
3	Tạ Văn Ni	Anh ruột	0
4	Tạ Văn Việt	Anh ruột	0
5	Tạ Văn Luận	Em ruột	0
6	Tạ Thị Vũ Ngọc	Con ruột	0
7	Tạ Thị Vũ Vy	Con ruột	0
8	Tạ Thị Vũ Vân	Con ruột	102.500
9	Tạ Thị Vân Phụng	Con ruột	0
10	Tạ Thị Ngọc Vy	Con ruột	0

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

d) Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Diệp Thị Thu**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/11/1954
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 2 G Bùi Minh Trực, Phường 5, Quận 8, TPHCM



- ĐT liên lạc ở cơ quan: 84-50-779111
- Trình độ văn hóa: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1977 đến 1993: Giáo viên Phổ thông Trung học
 - + Từ 1993 đến T3/2007: Phó Giám đốc, phụ trách Nhân sự - Tài chính
XN TD Chế biến Gỗ Trường Thành
 - + Từ 2003 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
 - + Từ T3/2007 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Trường Thành (TTDL1)
- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
Phó Chủ tịch HĐQT của TTDL 1
Phó Chủ tịch HĐQT của TTDL 2
Chủ tịch HĐQT của TTDL 3
- Số cổ phần nắm giữ: 1.683.328 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Diệp Năng Tiến	Cha ruột	0
2	Tạ Thị Sang	Mẹ ruột	0
3	Võ Trường Thành	Chồng	2.250.544
4	Diệp Thị Xuân	Chị ruột	0
5	Diệp Bảo Tân	Em ruột	0
6	Diệp Bảo Long	Em ruột	0
7	Diệp Thị Yến Loan	Em ruột	0
8	Diệp Thị Phượng	Em ruột	0
9	Diệp Bảo Thành	Em ruột	32.500
10	Diệp Bảo Đức	Em ruột	0
11	Diệp Bảo Quốc	Em ruột	0
12	Diệp Bảo Cường	Em ruột	0
13	Diệp Thị Minh Tâm	Em ruột	0
14	Võ Diệp Văn Tuấn	Con	87.500
15	Võ Diệp Cẩm Tú	Con	50.000
16	Võ Diệp Cẩm Vân	Con	40.000

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

e) Thành viên HĐQT

- | | | |
|--|---|--|
| - Họ và tên: | Ngô Thị Hồng Thu |  |
| - Giới tính: | Nữ | |
| - Ngày tháng năm sinh: | 27/9/1977 | |
| - Nơi sinh: | TPHCM | |
| - Quốc tịch: | Việt Nam | |
| - Dân tộc: | Kinh | |
| - Quê quán: | Bình Định | |
| - Địa chỉ thường trú: | 477 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TpHCM | |
| - ĐT liên lạc ở cơ quan: | 84-650-740353 | |
| - Trình độ văn hóa: | Thạc sỹ | |
| - Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học Brussel, Bỉ
Tốt nghiệp Khóa học về Gỗ và Chế biến Gỗ tại Mỹ | |
| - Quá trình công tác: | | |
| + Từ năm 2000 – 2001: | Thư ký Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành | |
| + Từ năm 2001 – 2003: | Trưởng phòng Tiếp thị
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành | |
| + Từ năm 2003 – 2006: | Giám đốc Kinh doanh – Tiếp thị
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành | |
| + Từ năm 2006 – nay: | Phó Tổng Giám đốc
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành | |
| - Chức vụ hiện tại: | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành | |
| - Số cổ phần nắm giữ: | 80.000 | |
| - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: | | |

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Ngô Thành Xuân	Cha ruột	0
2	Phạm Thị Hoa	Mẹ ruột	0
3	Ngô Thị Trúc	Chị ruột	0
4	Ngô Thị Mai	Chị ruột	0
5	Ngô Thị Hương	Chị ruột	0
6	Ngô Văn Toàn	Anh Ruột	11.000

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

f) Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Hồ Thị Minh Thảo**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 29/5/1978
- Nơi sinh: Biên Hòa, Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sông Bé
- Địa chỉ thường trú: 2/5 khu phố 3, Phường Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 84-650-740690/691 (Ext 134)
- Trình độ văn hóa: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán – Kiểm toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2000 – 2002: Kế toán viên
Công ty Sơn Nippon – Nhật Bản
 - + Từ năm 2002 – 2006: Kế toán tổng hợp
Công ty Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
 - + Từ năm 2006 – nay: Kế toán trưởng
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Số cổ phần nắm giữ: 63.500 cổ phần



- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Trương Thị Bảy	Mẹ ruột	
2	Hồ Thị Minh Phượng	Chị ruột	
3	Hồ Thị Minh Tâm	Chị ruột	2.000
4	Hồ Ngọc Quang	Em ruột	
5	Hồ Ngọc Vinh	Em ruột	
6	Bùi Quang Bình	Chồng	
7	Bùi Quang Khôi	Con ruột	

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

g) Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Huỳnh Phú Quốc**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 02/06/1969

- Nơi sinh: Bình Định

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Bình Định

- Địa chỉ thường trú: 589 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn – Bình Định

- ĐT liên lạc ở cơ quan: 84-8-5110452

- Trình độ văn hóa: Đại học

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại Ngữ

- Quá trình công tác:

+ Từ năm 1994– 1997: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh - XNK
Công ty Phú Tài

+ Từ năm 1997 – 2000: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh
XN TD Chế biến gỗ Trường Thành

+ Từ năm 2000 – 2003: Trưởng phòng XNK



- Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- + Từ năm 2003 - nay: Giám đốc XNK
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Chức vụ hiện tại: Giám đốc XNK
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Số cổ phần nắm giữ: 25.000
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Huỳnh Văn Thất	Cha ruột	0
2	Phan Thị Ba	Mẹ ruột	0
3	Huỳnh Thị Kim Loan	Chị ruột	0
4	Huỳnh Thị Kim Phụng	Chị ruột	0
5	Huỳnh Thị Kim Hoa	Chị ruột	0
6	Huỳnh Thị Kim Thủy	Em ruột	0
7	Huỳnh Thị Kim Dung	Em ruột	0
8	Huỳnh Ngọc Điệp	Em ruột	0
9	Huỳnh Thị Kim Hoan	Em ruột	0
10	Lê Thị Thanh Thảo	Vợ	0
11	Huỳnh Thảo Nguyên	Con	0

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

h) Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Đình Nghĩa**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/3/1965
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6, KV 7, Phường Ngô Mây, TP Quy Nhơn
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 84-50-779281



- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1986– 1994: Cán bộ Phòng Kế hoạch
Công ty Liên hiệp Thủy sản Tỉnh Bình Định
 - + Từ năm 1994 – 1997: Cán bộ Phòng Kế hoạch
XN TD Chế biến gỗ Trường Thành
 - + Từ năm 1998 – 1999: Trưởng phòng Kế hoạch
XN TD Chế biến gỗ Trường Thành
 - + Từ năm 2000 - 2004: Phó Giám đốc
XN TD Chế biến gỗ Trường Thành
 - + Từ năm 2005 – 3/2007: Giám đốc
XN TD Chế biến gỗ Trường Thành
 - + Từ 3/2007 – nay: Giám đốc điều hành Công ty CP Trường Thành (TTDL 1)
- Chức vụ hiện tại: Giám đốc điều hành TTDL 1
Thành viên HĐQT TTDL 1
- Số cổ phần nắm giữ: 16.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
01	Trần Thị Trúc	Mẹ ruột	0
02	Nguyễn Thị Dung	Chị ruột	0
03	Trần Thị Dung	Vợ	0
04	Nguyễn Trần Tuyết Nhung	Con ruột	0

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

11.2 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

a) Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Đặng Đình Nguyên**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/08/1979
- Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 506/14/9 Đường 3/2 P14 - Q10 - TpHCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 84-650-713191
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Công Nghệ Thông Tin – University of California, Riverside (Hoa Kỳ)
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2005 đến 2007: Trưởng ban Quản lý dự án - GoSub60, Inc. (Hoa Kỳ)
 - + Từ 2002 đến 2005: Quản lý dự án - XL Dynamics, Inc. (Hoa Kỳ)
 - + Từ 2001 đến 2002: Kỹ sư - United Technologies Corp. (Hoa Kỳ)
 - + Từ 2000 đến 2001: Trợ giảng Đại Học California Polytechnic University (Hoa Kỳ)
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban Kiểm soát
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Số cổ phần nắm giữ: 4.300 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có



STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Đặng Kỳ	Cha ruột	0
2	Hồ Thị Thu Thu	Mẹ ruột	0
3	Nguyễn Thị Hoài Thu	Chị ruột	0

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

b) Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Phạm Thị Mỹ Hà**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 05/01/1973
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Hưng, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: D79 Lê Đức Thọ, Phường 17, Q. Gò Vấp, TP.HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 84-650-740690 (Ext 107)
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại Ngữ
- Quá trình công tác:
- + Từ năm 1996– 1998: Nhân viên
Hãng Hàng không Nhật Bản
- + Từ năm 1998 – 2002: Trưởng phòng Hành chính
Công ty Liên doanh Máy móc Thiết bị Xây dựng Việt Nhật
- + Từ năm 2002 – 2004: Trưởng phòng Hành chính
Bệnh viện Mắt Sài Gòn
- + Từ năm 2004 – nay: Thư ký Tổng Giám đốc
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Chức vụ hiện tại: Thư ký Tổng Giám đốc
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Số cổ phần nắm giữ: 19.000
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có



STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Phạm Đình Thiêm	Cha ruột	0
2	Phùng Thị Minh Phúc	Mẹ ruột	0
3	Phạm Thị Thanh Hằng	Em ruột	0
4	Phạm Thị Minh Thu	Em ruột	0

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
5	Bùi Đức Tùng	Chồng	0
6	Bùi Đức Thiện Khiêm	Con	0

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

c) Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Trương Nữ Bích Vân**

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 10/8/1978

- Nơi sinh: TPHCM

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Bình Định

- Địa chỉ thường trú: 271/163/73 Quang Trung, P.10, Q.Gò Vấp, TPHCM

- ĐT liên lạc ở cơ quan: 84-8-511 8226

- Trình độ văn hóa: Đại học

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán

- Quá trình công tác:

+ Từ năm 2001– 2002: Trợ lý XNK

Công ty TNHH Vạn Đạt

+ Từ năm 2002 – 2006: Nhân viên khối XNK

Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

+ Từ năm 2006 – nay: Trưởng nhóm Thanh toán quốc tế, khối XNK

Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

- Chức vụ hiện tại: Trưởng nhóm Thanh toán quốc tế, khối XNK

Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có



STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Trương Nguyên Vũ	Cha ruột	0
2	Huyền Tôn Nữ Tuyết Mai	Mẹ ruột	0
3	Trương Thiên Vỹ	Anh ruột	0
4	Trương Thịnh Vượng	Em ruột	0
5	Trương Tú Vinh	Em ruột	0
6	Trương Tuệ Vương	Em ruột	0
7	Trương Nữ Thục Viên	Em ruột	0
8	Trương Nữ Thùy Viên	Em ruột	0
9	Lê Võ Duy Khương	Chồng	0
10	Lê Kim Long	Con ruột	0

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

d) Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Phạm Thùy Vân Anh**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/1/1984
- Nơi sinh: TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: A4, Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp, TP.HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 84-650-713 192 (Ext: 108)
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán
- Quá trình công tác:
 - + Năm 2006: Trợ lý kiểm toán, Công ty Kế toán – Kiểm toán – Tư vấn AACC
 - + Từ 11/2006 – 5/2007: Kiểm toán viên nội bộ, Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
 - + Từ 5/2007 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành



- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Phạm Đình Chiến	Cha Ruột	0
2	Nguyễn Thị Hằng Nga	Mẹ Ruột	0
3	Phạm Quốc Anh	Em Ruột	0

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

11.3 Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

a) Tổng Giám đốc:

- Họ và tên: **Võ Trường Thành**
- Các thông tin còn lại: Như đã nêu trên phần của Hội đồng Quản trị

b) Phó Tổng Giám đốc 1:

- Họ và tên: **Tạ Văn Nam**
- Các thông tin còn lại: Như đã nêu trên phần của Hội đồng Quản trị

c) Phó Tổng Giám đốc 2:

- Họ và tên: **Võ Văn Huy**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/11/1968
- Nơi sinh: TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TPHCM
- Địa chỉ thường trú: 118/6 Hoàng Văn Thụ, Quận Phú Nhuận, TPHCM



- ĐT liên lạc ở cơ quan: 84-650-740690
- Trình độ văn hóa: Tiến sỹ
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh,
trường Đại Học Texas A&M, tốt nghiệp tại Mỹ
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1997 đến 4/2007: Phó Trưởng khoa Quản trị Công nghiệp,
Đại học Bách Khoa TP.HCM
 - + Từ 2004 đến 4/2007: Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Quản trị
Doanh nghiệp (BR&T)
 - + Từ 2005 – 4/2007: Giám đốc Chương trình phát triển Quản lý Thụỵ Sĩ – AIT,
Việt Nam (SAV)
 - + Từ 2005 – nay: Giảng viên dạy chương trình MBA của Trường ĐH Clear Lake
của Mỹ tại Việt Nam
 - + Từ 5/2007 – nay: Phó Tổng Giám đốc 2
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc 2
Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
01	Võ Thị Thu Thủy	Chị ruột	0
02	Võ Văn Phan	Em ruột	0
03	Nguyễn Vũ Hiếu Hạnh	Vợ	0
04	Võ Nguyên Từ Minh	Con	0
05	Võ Nguyên Hải Đăng	Con	0

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

d) Phó Tổng Giám đốc 3:

- Họ và tên: **Ngô Thị Hồng Thu**
- Các thông tin còn lại: Như đã nêu trên phần của HĐQT

e) Phó Tổng Giám đốc 4:

Tổng Giám đốc đang kiêm nhiệm do còn khuyết nhân sự cho vị trí này. Đang tuyển dụng.

f) Phó Tổng Giám đốc 5:

Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc 3 đang kiêm nhiệm do còn khuyết nhân sự cho vị trí này. Đang tuyển dụng.

11.4 Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Hồ Thị Minh Thảo**
- Các thông tin còn lại: Như đã nêu trên phần của HĐQT

12. Tài sản của Công ty

- a) Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2006

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	26.612.210.854	11.224.102.176	15.388.108.678
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	13.247.216.420	4.552.307.058	8.694.909.362
2	Máy móc thiết bị	11.297.362.804	5.754.092.092	5.543.270.712
3	Phương tiện vận tải	1.189.829.671	547.609.202	642.220.469
4	Thiết bị văn phòng	877.801.959	370.093.824	507.708.135
5	TSCĐ khác	0	0	0
II	Tài sản cố định vô hình	4.695.350.843	735.611.719	3.959.739,124
III	Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
	Tổng cộng	31.307.561.697	11.959.713.895	19.347.847.802

b) Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2007

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	116.631.440.452	15.902.937.955	100.728.502.497
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	38.559.016.162	6.453.297.533	32.105.718.629
2	Máy móc thiết bị	72.270.929.632	8.849.576.847	60.095.190.849
3	Phương tiện vận tải	4.520.371.420	281.655.369	2.085.738.895
4	Thiết bị văn phòng	1.281.123.238	318.408.176	597.712.428
5	TSCĐ khác	0	0	0
II	Tài sản cố định vô hình	7.376.798.053	891.306.349	6.485.491.704
III	Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
	Tổng cộng	124.008.238.505	16.794.244.304	107.213.994.201

c) Tình hình sử dụng đất đai (Công ty và các công ty con):

Vị trí	Quy mô	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
TTBD 1 (Công ty mẹ)			
Đại lộ 743, Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương. Lộ giới đường 50m	26.000m ²	Xây dựng trụ sở và nhà máy	Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 49 năm là 19.270m ² (*)
Huyện Krông Pak, Tỉnh	60.000.000	Trồng rừng	Đã có chủ trương cấp

Vị trí	Quy mô	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
Dak Lak	m2		đất bằng văn bản Thường trực Huyện Ủy Krông Pak, tỉnh Dak Lak
TTBD 2			
Đại lộ 747, Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Lộ giới đường 50m	120.475m ²	Xây dựng nhà máy	Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 49 năm
TTDL 1			
Km 86, Quốc lộ 14, Huyện Ea H'leo, tỉnh Dak Lak. Lộ giới đường 100m	32.200m ²	Xây dựng nhà máy	Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 49 năm là 14.884 m ² (*)
Km 83, Quốc lộ 14, Huyện Ea H'leo, tỉnh Dak Lak. Lộ giới đường 100m	10.001 m ²	Xây dựng nhà máy sơ chế và kho	Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 49 năm là 10.001 m ²

Vị trí	Quy mô	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
Cụm Công nghiệp Trường Thành – Ea H’leo, Quốc lộ 14, Huyện Ea H’leo, tỉnh Dak Lak. Lộ giới đường 100m	4.552m ²	Hợp tác với tổ chức GTZ của Đức làm trung tâm đào tạo kỹ năng quản lý và chế biến gỗ cho Tập đoàn Trường Thành và cộng đồng	Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 49 năm là 4.552m ² .
TTDL 2			
Cụm Công nghiệp Trường Thành – Ea H’leo, Quốc lộ 14, Huyện Ea H’leo, tỉnh Dak Lak. Lộ giới đường 100m	41.870m ²	Xây dựng nhà máy	Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 49 năm là 21.870m ² (*)
TTTD			
Linh Tây, Thủ Đức, TP. HCM. Lộ giới 20m	7.000m ²	Xây dựng nhà máy chuyên sản xuất ván sàn	Đất thuê 10 năm
TTDL 3			
Cụm Công nghiệp Trường Thành – Ea H’leo, Quốc lộ 14, Huyện Ea H’leo, tỉnh	22.177m ²	Khu dân cư	Đã được UBND tỉnh Dak Lak phê duyệt, đang tiến hành lập

Vị trí	Quy mô	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
Dak Lak. Lộ giới đường 100m			chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích này
Cụm Công nghiệp Trường Thành – Ea H’leo, Quốc lộ 14, Huyện Ea H’leo, tỉnh Dak Lak. Lộ giới đường 100m	509.000m ²	Khu công nghiệp	Đã được UBND tỉnh Dak Lak phê duyệt, đang tiến hành lập chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích này
TTDL4			
Thị trấn Dakglong, tỉnh Dak Nông	3.770.000 m ²	Trồng rừng (hiện cây đã 6 tuổi)	Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 49 năm
Krông Năng, tỉnh Dak Lak	12.500.000 m ²	Trồng rừng	Đã có chủ trương cấp đất bằng văn bản của UBND tỉnh Dak Lak, đang tiến hành lập chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích này
Ea H’leo và Ea Sup của Tỉnh Dak Lak	250.000.000 m ²	Trồng rừng	Đã có chủ trương cấp đất của UBND tỉnh Dak Lak
TTPY			
Trong khu vực lòng hồ thủy	500.000m ²	Trồng rừng (hiện	Đã có giấy chứng

Vị trí	Quy mô	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
điện Sông Hình, tỉnh Phú Yên		cây đã 5 tuổi)	nhận quyền sử dụng đất 49 năm
Trong khu vực lòng hồ thủy điện Sông Hình, tỉnh Phú Yên	1.000.000 m ²	Phát triển kinh doanh du lịch sinh thái	Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 49 năm
Huyện Sông Hình và huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	200.000.000 m ²	Trồng rừng	Đã có chủ trương cấp đất của UBND tỉnh Phú Yên
Tổng cộng	528.543.275 m² (52.854 ha)		Đã có chứng nhận quyền sử dụng đất cho 5.461.052m² (546 ha)*

(*) Diện tích còn lại: đang tiến hành lập chứng nhận quyền sử dụng đất

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007 – 2010

13.1 Định hướng phát triển của Tập đoàn Gỗ Trường Thành tới năm 2010

- Mặc dù Công ty định hướng chuyển thành 1 Tập đoàn sản xuất – kinh doanh đa ngành trong ngắn hạn vẫn tập trung vào các dự án đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào đầu năm 2007 như sau:
 - Tiếp tục giữ vững và phát triển vị trí dẫn đầu trong ngành chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu tại Việt Nam, với mức tăng trưởng doanh số và lợi nhuận tối thiểu 30% mỗi năm.
 - Đầu tư thành lập nhà máy chế biến gỗ TTBD 2 tại thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với mức đầu tư ban đầu là 400 tỷ, trong đó đầu tư cố định là 250 tỷ đồng trên diện tích 120.475m². Và dự kiến sẽ mở rộng thêm 50.000m² nữa ra

phía sau trong năm 2008. Theo dự án đã được phê duyệt, đây là nhà máy được trang bị hiện đại vào bậc nhất Việt Nam, đón đầu xu hướng giá nhân công tại Việt Nam sẽ tăng cao trong thập kỷ mới. Và chỉ sau 3 năm hoạt động, nhà máy này sẽ cung cấp đến 40% tổng sản lượng cho cả Tập đoàn, mang đến lợi nhuận sau thuế khoảng 120 tỷ đồng.

+ Đầu tư thành lập công ty trồng rừng để đáp ứng nhu cầu sử dụng nguyên liệu của cả Tập đoàn trong những năm tới. Dự án này đã nhận được sự hỗ trợ từ Chính phủ về chính sách và cơ hội tiếp cận đất đai. Nguồn vốn đầu tư cho dự án này là từ lợi nhuận của Công ty, từ một số cổ đông chiến lược và từ một số tổ chức tín dụng. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1900 tỷ đồng cho diện tích là 50.000 hecta. Và sản lượng khai thác bền vững từ năm thứ 7 sẽ là 1 triệu m³ gỗ tròn/năm, gấp 10 lần mức tiêu thụ hiện nay trong sản xuất của Tập đoàn Trường Thành, tương đương trị giá 2000 tỷ đồng. Nhưng kể từ năm 2009 đến 2012 thì TTDL4 và TTPY đã có khai thác trên diện tích 2000ha rừng mà hiện nay đã được 5 đến 7 tuổi, mỗi năm thu lợi nhuận khoảng 40 tỷ đồng. Đây là dự án trồng rừng được thực hiện việc quản lý bền vững theo các tiêu chí FSC và sẽ được chứng nhận FSC (Forestry Stewardship Council)

+ Đầu tư vào công ty cổ phần quản lý cụm công nghiệp Trường Thành – Ea H’leo. Hiện nay, công ty này đã được cấp 50 hecta đất tiếp giáp xa lộ Xuyên Á (lộ giới 100m). Dự kiến sẽ được cấp thêm 100 hecta để mở rộng thêm trong năm 2009.

- Tập trung vào các dự án phát triển nguồn nhân lực, nhằm đáp ứng định hướng phát triển sản xuất – kinh doanh đa ngành từ năm 2010
- Hoàn thiện hơn nữa mô hình công ty Mẹ - con của Tập đoàn, tăng mức đầu tư của Công ty vào các công ty trên 90%
- Tiến hành hội nhập cùng với một số nhà cung cấp nguyên liệu như gỗ, bao bì, vật tư... để đảm bảo cho Tập đoàn những nguồn cung ổn định, giá cả thấp nhất, chất lượng phù hợp và giao hàng đúng hẹn.
- Tiến hành hội nhập ngang với một số công ty đồng ngành, nhằm gia tăng khả năng cung cấp các đơn hàng lớn vào thị trường Châu Âu và Mỹ.
- Tăng cường tiêu thụ sản phẩm gỗ của Công ty tại Việt Nam, nâng doanh thu nội địa lên ít nhất 10% tổng doanh thu.

- Niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam và quốc tế, để đảm bảo nguồn huy động vốn lớn, đáp ứng mục tiêu Công ty trở thành 1 trong 10 công ty hàng đầu ASIAN trong lĩnh vực chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu.

13.2 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007 – 2010

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007 (*)		Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2006	Giá trị	% tăng/giảm so với 2007	Giá trị	% tăng/giảm so với 2008	Giá trị	% tăng/giảm so với 2009
Sản lượng (containers)	2,000	131.58%	3,700	185.00%	4,500	121.62%	4,900	108.89%
Tổng doanh thu	580,000	177.81%	1,332,000	229.66%	1,620,000	121.62%	1,764,000	108.89%
Doanh thu thuần	575,824	177.12%	1,323,342	229.82%	1,611,900	121.81%	1,755,180	108.89%
Giá vốn hàng bán	464,000	176.19%	1,065,600	229.66%	1,296,000	121.62%	1,411,200	108.89%
Chi phí bán hàng	13,920	203.00%	29,304	210.52%	32,400	110.57%	35,280	108.89%
Chi phí quản lý	34,800	129.72%	79,920	229.66%	95,580	119.59%	97,020	101.51%
Chi phí tài chính	17,400	136.49%	39,960	229.66%	48,600	121.62%	52,920	108.89%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	45,704	201.14%	108,558	237.52%	139,320	128.34%	158,760	113.95%
Lợi nhuận khác	10,365	2229.00%	23,976	231.32%	29,160	121.62%	31,752	108.89%
Lợi nhuận trước thuế	56,069	350.87%	132,534	236.38%	168,480	127.12%	190,512	113.08%
Lợi nhuận sau thuế	53,557	335.15%	126,534	236.26%	147,420	116.51%	166,698	113.08%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20.00%		22.00%	110.00%	25.00%	113.64%	25.00%	100.00%

Doanh thu thuần trong năm 2006 của Công ty có sự tăng trưởng mạnh, đạt hơn 325 tỷ tăng 193,01% so với doanh thu thuần năm 2005. Đồng thời, tốc độ tăng trưởng của ngành sản xuất chế biến gỗ, đặc biệt là ngành chế biến xuất khẩu gỗ tăng bình quân mỗi năm từ 20 – 35% sẽ là một điều kiện thuận lợi để Công ty triển khai các dự án xây dựng nhà máy sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu, cá kế hoạch đầu tư phát triển như: tăng vốn điều lệ Công ty, nâng cao năng lực sản xuất các nhà máy hiện tại, xây dựng nhà máy mới, hiện đại, mở rộng hệ thống phân phối... khi hoàn tất đi vào hoạt động sẽ góp phần đáng kể làm tăng doanh số và lợi nhuận cho Công ty.

(*): Có thay đổi so với kế hoạch ban đầu do các yếu tố sau:

- Ban Lãnh đạo Công ty dự đoán giá nhân công sẽ tăng trung bình 20%/năm trong bối cảnh Việt Nam gia nhập WTO và nhận rất nhiều dòng vốn nước ngoài đang đổ vào ngày mỗi nhiều. Do đó, giá nhân công trung bình sẽ cao hơn 10 triệu/tháng/người sau 10 năm nữa. Vì vậy, theo sự tư vấn của các chuyên gia công nghệ chế biến gỗ của Ý, Ban Lãnh đạo đã thống nhất dời ngày hoạt động của nhà máy này ra sau 3 tháng so với kế hoạch nhằm trang bị theo các phương án máy móc thiết bị hiện đại nhất hiện nay, nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho nhà máy dù sau 10 năm hoạt động.
- Trong kế hoạch chuyên môn hóa sản phẩm nhằm nâng cao tối đa công suất cho từng nhà máy, Công ty đã mua lại 100% nhà máy của TTTD, sau đó tái cấu trúc vốn bằng cách bán lại 16% cho các cán bộ chủ chốt của nhà máy này, và thiết kế dòng sản phẩm riêng biệt cho TTTD là ván sàn gỗ. Sau khi tiếp cận và ký hợp đồng cung cấp ván sàn cao cấp cho thị trường Châu Âu và Nhật bản, Công ty quyết định trang bị lại mới 100% máy móc thiết bị trước đây của TTTD, và chỉ bắt đầu hoạt động từ tháng 11 năm 2007 (trễ hơn 3 tháng so với kế hoạch ban đầu)
- Tiến hành phát hành cổ phiếu ra công chúng bị chậm. Nguồn thu từ việc phát hành này thực tế nhận được ở cuối tháng 10 năm 2007 (trễ hơn 5 tháng so với kế hoạch ban đầu), do đó chỉ đưa vào vốn lưu động phục vụ phần lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Gỗ Trường Thành. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch và lợi nhuận của Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cho rằng, tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục

tái đầu tư nhằm duy trì tố độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra ở góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty :

Không có

16. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu niêm yết:

Không có

V. Cổ phiếu niêm yết

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng
3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến niêm yết :** 15.000.000 cổ phiếu
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật**

a) Hội đồng quản trị

- Ông Võ Trường Thành – Chủ tịch HĐQT nắm giữ: 2.250.544 cổ phần
- Ông Liam Pius Cully – Thành viên HĐQT nắm giữ: 1.087.299 cổ phần.
- Bà Diệp Thị Thu - Thành viên HĐQT nắm giữ: 1.683.328 cổ phần.
- Ông Tạ Văn Nam – Thành viên HĐQT nắm giữ: 240.000 cổ phần.
- Bà Ngô Thị Hồng Thu - Thành viên HĐQT nắm giữ: 80.000 cổ phần.

- Bà Hồ Thị Minh Thảo - Thành viên HĐQT nắm giữ: 63.500 cổ phần.
- Ông Huỳnh Phú Quốc – Thành viên HĐQT nắm giữ: 25.000 cổ phần.
- Ông Nguyễn Đình Nghĩa – Thành viên HĐQT nắm giữ: 16.000 cổ phần.

b) Ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Đăng Đình Nguyên – Trưởng Ban KS nắm giữ: 4.300 cổ phần.
- Bà Phạm Thị Mỹ Hà – Thành viên Ban KS nắm giữ: 19.000 cổ phần.
- Bà Trương Nữ Bích Vân - Thành viên Ban KS nắm giữ: 0 cổ phần.
- Bà Phạm Thùy Vân Anh – Thành viên Ban KS nắm giữ: 10.000 cổ phần.

c) Ban Tổng Giám đốc

- Ông Võ Trường Thành – Tổng giám đốc nắm giữ: 2.250.544 cổ phần.
- Ông Tạ Văn Nam – Phó Tổng giám đốc nắm giữ: 240.000 cổ phần.
- Ông Võ Văn Huy – Phó Tổng giám đốc nắm giữ: 0 cổ phần.
- Bà Ngô Thị Hồng Thu – Phó Tổng giám đốc nắm giữ: 80.000 cổ phần.

d) Kế toán trưởng

- Bà Hồ Thị Minh Thảo – Kế toán trưởng nắm giữ: 63.500 cổ phần.

Toàn bộ số lượng cổ phiếu do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty sở hữu sẽ cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

5. Giá niêm yết dự kiến: 80.000 đồng/cổ phần

6. Phương pháp tính giá:

Giá đầu giá thành công bình quân của đợt đấu giá bán cổ phần ra công chúng tổ chức vào ngày 01/10/2007 làm tròn. Giá đầu giá thành công bình quân là: **80.160 đồng/cổ phiếu.**

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước quy định: “Người nước ngoài được góp vốn hoặc mua cổ phần với mức không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp Việt Nam vào những ngành, nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho từng thời kỳ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư”. Khi Công ty niêm yết trên SGDCK TP. HCM, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg. Quyết định 238/2005/QĐ-TTg qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của một tổ chức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

8. Các loại thuế có liên quan

Thuế xuất khẩu:

- + Hiện chưa có thuế xuất khẩu cho mặt hàng gỗ.

Thuế nhập khẩu:

- + Đối với nguyên vật liệu được dùng cho sản xuất để xuất khẩu thì được ân hạn 275 ngày. Nếu quá 275 ngày mà chưa xuất khẩu hàng hóa được chế biến từ các nguyên vật liệu đó thì Công ty sẽ đóng thuế theo biểu thuế cho từng mã hàng của Bộ Tài Chính. Ngược lại, nếu xuất được hàng đó trong vòng 275 ngày thì được miễn thuế nhập khẩu hoàn toàn.
- + Đối với máy móc thiết bị dùng cho sản xuất thì được miễn thuế GTGT hoàn toàn. Ngoài ra, tùy loại máy móc thiết bị đó có được sản xuất trong nước hay không mà Công ty sẽ được miễn thuế hoặc đóng thuế nhập khẩu theo biểu thuế của Bộ Tài Chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

- + Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành được miễn thuế TNDN trong 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập (được ưu đãi ở mức 25% thay vì 28%) phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Sau 6 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế sẽ đóng theo mức thuế suất được quy định của Nhà nước.
- + Công ty Cổ phần Trường Thành và Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành tại DakLak thì được miễn thuế TNDN trong 3 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế, sau đó được giảm 50% số thuế thu nhập (được ưu đãi ở mức 15% thay vì 28%) phải nộp trong 8 năm tiếp theo và đóng thuế 15% trong một năm sau 8 năm này. Sau 12 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế sẽ đóng theo mức thuế suất được quy định của Nhà nước.

VI. Các đối tác liên quan đến việc niêm yết

1. Tổ chức tư vấn niêm yết: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: Tầng 2+5. 94 Bà Triệu. Quận Hoàn Kiếm. Hà Nội.
 Điện thoại: (84-4) 9433016/017 Fax: (84-4) 9433012
 Chi nhánh: 11 Nguyễn Công Trứ. Quận 1. Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 9141993/994 Fax: (84-8) 9141991
 Website : www.bvsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán: Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC)

Trụ sở: Số 4 Nguyễn Đình Chiểu. Quận 1. Thành phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 2200237 Fax: (84-8) 2200265
 Email: bdoafc.hcmc@bdoafc.vn

VII. Phụ lục

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2005, 2006 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007.

Bình Dương, ngày.....thángnăm 2007

Đại diện Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Võ Trường Thành

Trưởng Ban Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Đặng Đình Nguyên

Hồ Thị Minh Thảo

Đại diện Tổ chức tư vấn niêm yết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt – Chi nhánh Tp.HCM:
Giám đốc

(Đã ký)

Võ Hữu Tuấn



TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

CHẤT LƯỢNG CAO, GIÁ CẠNH TRANH, GIAO HÀNG ĐUNG HẸN, LỰUẬN CÁCH TẬN VÀ PHỤC VỤ TỐT NHẤT



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết thúc vào ngày 31/12/2007

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Đã được phê duyệt tháng 1/2008

www.truongthanh.com

Văn phòng chính - Nhà máy 5:
Số 765, Phố Chuân, Thành Phố Hồ Chí Minh
ĐT: 04 561 740 100/031 7303
Fax: 04 561 743 400/600
Email: info@truongthanh.com

Nhà máy 6 và 8:
Số 83 và 85, Quốc Lộ 14,
Sông Lát, Tân Đức, Vĩnh Mỹ,
ĐT: 04 561 770 110/201
Fax: 04 561 770 100
Email: td@truongthanh.com

Nhà máy 4 và 9:
Đào Trinh Nhất, L. 7,
Lên Tập, Thủ Đức, TP HCM, Việt Nam
ĐT: 84 8 720 1408
Fax: 84 8 720 1411
Email: truongthanh49@truongthanh.com

Nhà máy 10:
Khu 10/1, Tân Uyên,
Tỉnh Bình Dương,
Việt Nam

Nhà máy 7:
Tỉnh Quảng
Cao Lãnh, Việt Nam

Công nhân:
Số 10 Đường 10,
Quận Thủ Đức, TP HCM, Việt Nam
Số 04 511 8005/06
Fax: 04 511 8007
Email: hr@truongthanh.com

Room 01 Truong Thanh:
Số 710/10/10 Đường Thủ Đức,
Quận Thủ Đức, TP HCM, Việt Nam
Số 04 511 8005/06
Fax: 04 511 8007

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
1. Tổng doanh thu	01	(18)	622,510,077,450	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8,096,579,653	
3. Doanh thu thuần	10		614,413,497,797	
4. Giá vốn hàng bán	11		471,633,544,654	77%
5. Lợi nhuận gộp	20		142,779,953,144	23%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(19)	19,069,710,748	
7. Chi phí tài chính	22	(20)	34,609,384,380	
- Trong đó: lãi vay	23		31,449,747,174	
8. Chi phí bán hàng	24	(21)	22,146,095,249	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(22)	48,865,752,619	
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		56,228,431,644	9%
11. Thu nhập khác	31		1,712,669,182	
12. Chi phí khác	32		461,662,773	
13. Lợi nhuận khác	40		1,251,006,409	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57,479,438,053	9%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(23)	5,309,722,357	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52,169,715,695	8%
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			1,887,369,682	
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			50,282,346,014	
18. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ			9,828,585	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)		(24)	5,116	
20. ROE			17.78%	
21. ROA			5.29%	

Ngày 15 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng



HỒ THỊ MINH THẢO

Giám đốc



VÔ TRƯỜNG THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2007)	Số đầu kỳ (01/01/2007)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,034,355,845,635	429,265,451,645
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		33,218,328,590	30,358,306,656
1. Tiền	111	(1)	13,127,103,390	30,358,306,656
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,091,225,200	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		60,240,868,197	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		60,240,868,197	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	(2)	130,614,350,002	48,840,744,465
1. Phải thu khách hàng	131		114,355,936,150	25,250,763,159
2. Trả trước cho người bán	132		2,884,342,629	14,629,856,424
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		13,374,071,223	9,153,695,784
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(193,570,902)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	(3)	767,665,952,459	329,686,233,518
1. Hàng tồn kho	141		767,665,952,459	329,686,233,518
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		42,616,346,387	20,380,167,006
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,391,839,112	524,017,479
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15,860,748,739	6,955,021,133
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	8,000,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(4)	24,363,758,536	12,893,128,394

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2007)	Số đầu kỳ (01/01/2007)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		375,261,384,545	60,393,202,191
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		146,767,953,516	53,445,311,970
1. TSCĐ hữu hình	221	(5)	100,728,502,497	38,322,708,597
- Nguyên giá	222		116,631,440,452	63,545,325,085
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,902,937,955)	(25,222,616,488)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(6)	6,485,491,704	6,395,735,382
- Nguyên giá	228		7,376,798,053	7,145,455,353
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(891,306,349)	(749,719,971)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(7)	39,553,959,315	8,726,867,991
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	(8)	224,342,470,728	5,474,500,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		222,994,470,728	1,887,500,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,348,000,000	3,587,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Lợi thế thương mại</i>	260		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	270		4,150,960,302	1,473,390,221
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		3,265,960,302	628,890,221
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	278	(9)	885,000,000	844,500,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1,409,617,230,180	489,658,653,836

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2007)	Số đầu kỳ (01/01/2007)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		725,219,311,070	413,573,820,567
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		685,817,990,785	397,907,842,007
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(10)	560,473,470,102	307,092,407,896
2. Phải trả cho người bán	312	(11)	90,268,842,224	49,789,320,658
3. Người mua trả tiền trước	313	(11)	15,858,128,906	16,695,679,252
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	(12)	5,612,776,968	594,286,750
5. Phải trả công nhân viên	315		11,338,218,210	6,428,414,626
6. Chi phí phải trả	316		1,562,403,731	1,544,547,691
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(13)	704,150,644	15,763,185,134
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		39,401,320,285	15,665,978,560
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(14)	39,200,943,172	15,554,978,560
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		200,377,113	111,000,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		663,128,229,343	60,941,881,751
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		662,895,020,570	60,941,881,751
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(15)	150,000,000,000	50,114,400,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		477,400,865,420	10,001,900,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(155,760,077)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(16)	35,649,915,226	825,581,751
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		233,208,774	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		233,208,774	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	(17)	21,269,689,763	15,142,951,518
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		1,409,617,230,181	489,658,653,836

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	năm 2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Tiền thu trực tiếp bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	150,544,516,174
2. Tiền chi trả cho người bán	02	(864,303,529,798)
3. Tiền trả cho công nhân viên	03	(94,185,775,176)
4. Tiền trả lãi vay	04	(28,910,567,789)
5. Tiền chi nộp thuế và các khoản cho nhà nước	05	(124,692,648)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	649,894,120,698
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(234,227,872,827)
8. Tiền thu hoàn VAT	08	17,356,363,833
9. Tiền chi ký quỹ mở L/C	09	(77,251,658,743)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(481,209,096,276)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(41,966,394,947)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(407,366,168,118)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	356,452,909,604
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(221,135,765,610)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1,100,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	987,208,096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(311,928,210,975)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	561,486,535,743
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(10,861,839,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,113,442,626,439
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(855,710,779,841)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12,200,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	796,156,543,341
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	3,019,236,090
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	30,358,306,656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - LÃI		103,868,695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - LỖ	61	(263,082,851)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	33,218,328,590

Ngày 15 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng


HỒ THỊ MINH THẢO



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

31/12/2006

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING JOINT STOCK COMPANY (AFC)

Thành viên Tập đoàn Kiểm toán BDO Toàn cầu
A Member Firm of BDO Global Coordination



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu	01		326.188.242.826	170.198.206.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.085.413.553	1.756.449.612
3. Doanh thu thuần	10	(14)	325.102.829.273	168.441.756.547
4. Giá vốn hàng bán	11		263.347.908.136	133.344.381.392
5. Lợi nhuận gộp	20		61.754.921.137	35.097.375.155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(15)	192.616.032	166.012.172
7. Chi phí tài chính	22	(16)	12.748.313.625	7.711.022.454
- Trong đó: lãi vay	23		11.494.206.145	7.359.084.946
8. Chi phí bán hàng	24	(17)	6.857.933.589	7.539.675.527
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(18)	26.826.570.427	15.302.095.781
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		15.514.719.528	4.710.593.565
11. Thu nhập khác	31	(19)	604.426.973	643.384.291
12. Chi phí khác	32	(20)	138.550.727	295.593.024
13. Lợi nhuận khác	40		465.876.246	347.791.267
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.980.595.774	5.058.384.832
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(21)	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.980.595.774	5.058.384.832

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỒ THỊ MINH THẢO

Ngày 30 tháng 01 năm 2007

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		296.731.686.859	135.703.610.572
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	(1)	19.086.103.855	2.878.881.070
1. Tiền	111		19.086.103.855	2.878.881.070
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	(2)	32.068.408.038	38.738.590.296
1. Phải thu khách hàng	131		18.797.451.744	24.723.375.846
2. Trả trước cho người bán	132		3.702.810.079	3.084.933.455
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		9.568.146.215	10.930.280.995
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	(4)	231.513.357.060	89.821.176.411
1. Hàng tồn kho	141		231.513.357.060	89.821.176.411
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		14.063.817.906	4.264.962.795
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.564.414.927	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(3)	8.499.402.979	4.264.962.795

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.564.085.219	21.466.048.902
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		19.364.907.694	17.383.591.601
1. TSCĐ hữu hình	221	(5)	15.388.108.678	13.314.915.971
- Nguyên giá	222		26.612.210.854	21.759.360.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.224.102.176)	(8.444.444.050)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(6)	3.959.739.124	4.068.675.630
- Nguyên giá	228		4.695.350.843	4.667.047.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(735.611.719)	(598.372.312)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		17.059.892	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	(7)	14.739.500.000	3.432.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.887.500.000	2.380.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		12.852.000.000	1.052.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		459.677.525	650.457.301
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		415.177.525	608.957.301
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		44.500.000	41.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		331.295.772.078	157.169.659.474

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		270.408.232.869	146.229.090.039
I. Nợ ngắn hạn	310		270.297.232.869	142.549.090.039
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(8)	203.389.018.435	107.724.776.536
2. Phải trả cho người bán	312	(9)	42.052.771.404	25.117.916.644
3. Người mua trả tiền trước	313		15.901.545.748	2.784.891.534
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	(10)	292.273.877	757.855.103
5. Phải trả công nhân viên	315		4.592.598.397	2.927.136.235
6. Chi phí phải trả	316		410.013.751	1.423.757.015
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(11)	3.659.011.257	1.812.756.972
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		111.000.000	3.680.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	3.680.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111.000.000	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.887.539.209	10.940.569.435
I. Vốn chủ sở hữu	410		60.887.539.209	10.448.110.619
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(12)	50.114.400.000	24.925.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	(12)	10.001.900.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(13)	771.239.209	(14.476.889.381)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	492.458.816
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	492.458.816
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		331.295.772.078	157.169.659.474

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.980.595.774	5.058.384.832
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.101.064.210	2.646.824.108
- Các khoản dự phòng	03	2.619.584.016	-
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(266.844.153)	(166.012.172)
- Chi phí lãi vay	06	11.494.206.145	7.359.084.946
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	32.928.605.992	14.898.281.714
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.751.256.869)	(21.560.754.467)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(141.692.180.649)	(47.055.580.327)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(117.441.454)	36.695.889.082
- Tăng/ (giảm) chi phí trả trước	12	193.779.776	(477.356.309)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.807.802.020)	(5.138.472.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.224.926.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(125.471.221.224)	(22.637.992.384)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.098.213.626)	(1.868.698.076)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	100.285.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.800.000.000)	(2.380.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	492.500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	182.392.476	166.012.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.123.036.150)	(4.082.685.904)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	35.191.300.000	850.745.407
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	444.995.139.515	124.775.843.437
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(322.384.959.356)	(96.099.789.990)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	157.801.480.159	29.526.798.854
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	16.207.222.785	2.806.120.566
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	2.878.881.070	72.760.504
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	19.086.103.855	2.878.881.070

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỒ THỊ MINH THẢO

Ngày 30 tháng 01 năm 2007

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ TRƯỞNG THÀNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

31/12/2005

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING JOINT STOCK COMPANY (AFC)

Thành viên Tập đoàn Kiểm toán BDO Toàn cầu
A Member Firm of BDO Global Coordination



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2005
1. Tổng doanh thu	01		170.198.206.159
2. Các khoản giảm trừ	03		1.756.449.612
3. Doanh thu thuần	10	(16)	168.441.756.547
4. Giá vốn hàng bán	11		133.344.381.392
5. Lợi nhuận gộp	20		35.097.375.155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(17)	166.012.172
7. Chi phí tài chính	22	(18)	7.711.022.454
- Trong đó: lãi vay	23		7.359.084.946
8. Chi phí bán hàng	24	(19)	7.539.675.527
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(20)	15.302.095.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.710.593.565
11. Thu nhập khác	31	(21)	643.384.291
12. Chi phí khác	32	(22)	295.593.024
13. Lợi nhuận khác	40		347.791.267
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.058.384.832
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	(23)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.058.384.832

KẾ TOÁN TRƯỞNG *Th*



HỒ THỊ MINH THẢO

Bình Dương, ngày 30 tháng 01 năm 2007

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.703.610.572	64.308.655.212
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		2.878.881.070	72.760.504
1. Tiền	111	(1)	2.878.881.070	72.760.504
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	(2)	43.003.553.091	18.832.793.082
1. Phải thu khách hàng	131		24.723.375.846	9.978.692.358
2. Trả trước cho người bán	132		3.084.933.455	1.736.717.721
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		15.195.243.790	7.117.383.003
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		89.821.176.411	42.765.596.084
1. Hàng tồn kho	141	(3)	89.821.176.411	42.765.596.084
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		-	2.637.505.542
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Các khoản thuế phải thu	152		-	2.637.505.542
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.466.048.902	19.359.318.625
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		41.500.000	14.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213		41.500.000	14.000.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		17.383.591.601	18.293.318.625
1. TSCĐ hữu hình	221	(4)	13.314.915.971	14.176.808.453
- Nguyên giá	222		21.759.360.021	20.656.849.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.444.444.050)	(6.480.040.966)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5)	4.068.675.630	4.116.510.172
- Nguyên giá	228		4.667.047.942	4.592.658.345
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(598.372.312)	(476.148.173)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	(6)	3.432.000.000	1.052.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.380.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.052.000.000	1.052.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		608.957.301	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(7)	608.957.301	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		157.169.659.474	83.667.973.837

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		146.229.090.039	78.636.534.641
I. Nợ ngắn hạn	310		142.549.090.039	72.256.534.641
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(8)	107.724.776.536	49.172.784.829
2. Phải trả cho người bán	312	(9)	25.117.916.644	16.406.720.078
3. Người mua trả tiền trước	313	(9)	2.784.891.534	3.606.970.498
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	(10)	757.855.103	-
5. Phải trả công nhân viên	315		2.927.136.235	1.895.714.951
6. Chi phí phải trả	316	(11)	1.423.757.015	916.396.285
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
II. Nợ dài hạn	320		3.680.000.000	6.380.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	(13)	3.680.000.000	6.380.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.940.569.435	5.031.439.196
I. Vốn chủ sở hữu	410		10.448.110.619	5.031.439.196
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(14)	24.925.000.000	24.074.254.593
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	416		-	-
7. Quỹ dự phòng tài chính	417		-	-
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
9. Lợi nhuận chưa phân phối	419	(15)	(14.476.889.381)	(19.042.815.397)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		492.458.816	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		492.458.816	-
2. Nguồn kinh phí	422		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		157.169.659.474	83.667.973.837

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2005
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01		5.058.384.832
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02		2.646.824.108
Các khoản dự phòng	03		-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(166.012.172)
Chi phí lãi vay	06		7.359.084.946
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		14.898.281.714
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(21.560.754.467)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(47.055.580.327)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		36.695.889.082
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(477.356.309)
Tiền lãi vay đã trả	13		(5.138.472.077)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(22.637.992.384)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.868.698.076)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.380.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		166.012.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.082.685.904)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các chủ sở hữu	31		850.745.407
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		124.775.843.437
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(96.099.789.990)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.526.798.854
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		2.806.120.566
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		72.760.504
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		2.878.881.070

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỒ THỊ MINH THẢO

Bình Dương, ngày 30 tháng 01 năm 2007

TỔNG GIÁM ĐỐC

VÔ TRƯỜNG THÀNH

3002
NG T
PHẬT
M TOÁ
TÀI C
TOÁ
HỒ C